

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	5
DANH MỤC CÁC HÌNH, SƠ ĐỒ	6
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên chủ dự án đầu tư	7
2. Tên dự án đầu tư	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	12
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	12
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	12
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án	14
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của dự án.....	14
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Dự án	15
5. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.....	18
6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	19
6.1. Các hạng mục công trình của Dự án	19
6.2. Hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng của Cảng cá Sông Gianh.....	27
6.3. Tổ chức quản lý và hoạt động của Dự án	30
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	31
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	31
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường.....	32
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	34
1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	34
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	34
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	36
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	59
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	60
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	63
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	65

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức	65
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	70
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	75
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	75
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	78
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	78
Chương V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	81
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	81
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	81
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	81
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	82
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	82
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	82
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	83
Chương VI CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN	84
PHỤ LỤC BÁO CÁO	85

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	ABC	Cặp vận xoắn/cáp bó trên không
2	ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
3	AsXV	Ký hiệu cáp nhôm lõi thép có vỏ bọc cách điện dung cho lưới điện trung thế
4	BTCT	Bê tông cốt thép
5	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	BTLT	Bê tông ly tâm
7	BTXM	Bê tông xi măng
8	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
9	CNCH	Cứu nạn cứu hộ
10	CP	Chính phủ
11	CV	Cheval Vapeur (mã lực)
12	CTR	Chất thải rắn
13	CTNH	Chất thải nguy hại
14	CX1	Cửa xả số 1
15	CX2	Cửa xả số 2
16	DSTA	Dải băng thép bảo vệ cáp (Double Steel Tape Armour
17	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
18	HDPE	High-Density Polyethylene
19	HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
20	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
21	HTX	Hợp tác xã
22	KHĐT	Kế hoạch và Đầu tư
23	KS	Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát
24	LV	Low Voltage – hạ thế
25	MT-3	kiểu móng cột/trạm theo thiết kế
26	NĐ	Nghị định
27	NH	Nguy hại
28	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
29	PHC	Bê tông cốt thép dự ứng lực cường độ cao
30	PTĐT	Phát triển đô thị
31	PVC	Polyvinyl Chloride – vật liệu cách điện/vỏ cáp

32	QLCN	Quản lý cấp nước
33	QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
34	QĐ	Quyết định
35	SGTVT	Sở Giao thông vận tải
36	SNNMT	Sở Nông nghiệp và Môi trường
37	STC	Sở tài chính
38	SXD	Sở Xây dựng
39	TBA	Trạm biến áp
40	TB	Thông báo
41	TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam
42	TD	Thẩm duyệt
43	TMTH	Thương mại tổng hợp
44	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
45	TTg	Thủ tướng Chính phủ
46	TTN	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn
47	TVTK	Tư vấn thiết kế
48	TVXD	Tư vấn xây dựng
49	UBND	Ủy ban nhân dân
50	VBHN	Văn bản hợp nhất
51	VN	Việt Nam
52	VXM	Vữa xi măng
53	XLPE	Cross-linked Polyethylene – polyethylene liên kết ngang, vật liệu cách điện cáp
54	XT472	Ký hiệu xuất tuyến

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực Dự án	8
Bảng 1.2. Bảng khối lượng nước cấp, nước thải của Dự án trong 1 ngày	16
Bảng 1.3. Định mức hóa chất sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải	18
Bảng 1.4. Thống kê các hạng mục công trình tại Dự án	20
Bảng 1.5. Hiện trạng cho thuê sử dụng đất	29
Bảng 3.1. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án	48
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.....	51
Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát của Cảng cá Sông Gianh	63
Bảng 3.4. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án	70
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031	76
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải từ ngày 01/01/2032.....	77

DANH MỤC CÁC HÌNH, SƠ ĐỒ

Hình 1.1. Mặt bằng các hạng mục của Dự án.....	19
Sơ đồ 1.1. Sơ đồ quy trình nhập hàng.....	13
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ quy trình xuất hàng	14
Hình 3.1. Phương án thu gom thoát nước mưa của Dự án	35
Hình 3.2. Phương án thu gom và thoát nước thải sau xử lý của Dự án.....	38
Hình 3.3. Mô hình thiết bị DAF sử dụng xử lý nước thải thủy sản.....	46
Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa của Dự án.....	36
Sơ đồ 3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Dự án.....	37
Sơ đồ 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải từ các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tại Dự án.....	40
Sơ đồ 3.4. Hệ thống xử lý nước thải của Cảng cá Sông Gianh	44

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án: Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá.
- + Địa chỉ văn phòng: Số 374 đường Lý Thường Kiệt, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.
- + Người đại diện theo pháp luật: (Ông) Phan Duy Thành - Chức vụ: Giám đốc.
- + Điện thoại: 0913015400 MST: 3101143105
- Đơn vị quản lý, vận hành: Cảng cá Sông Gianh.
- + Địa chỉ văn phòng: xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.
- + Người đại diện theo pháp luật: Phạm Thanh Sơn - Chức vụ: Trưởng Cảng
- + Điện thoại: 0886863616
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ tương đương:
- + Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.
- + Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình để đưa vào sử dụng ngày 22/7/2025 của Ban quản lý Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (Ban quản lý Dự án BIIG2 Quảng Trị).

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: Cảng cá Sông Gianh.
- Địa điểm thực hiện Dự án: tại thôn Xuân Hải, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 49.327,6 m², thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ địa chính số 02 và thửa đất số 645 thuộc tờ bản đồ địa chính số 07, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ), nay là xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.

Ranh giới tiếp giáp của Dự án như sau:

- + Phía Bắc giáp sông Gianh;
- + Phía Nam giáp Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh, Công ty Cổ phần Thủy sản Năm sao và đường Quốc lộ 1A cũ tại thôn Xuân Hải, xã Bắc Trạch;
- + Phía Đông giáp khu dân cư thôn Xuân Hải, xã Bắc Trạch;
- + Phía Tây giáp cảng Thương Thắng Lợi, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Gianh.

- Phạm vi của Dự án được giới hạn bởi các điểm có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, KTT 106°00', múi chiều 3° như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm giới hạn khu vực Dự án

Điểm	Hệ tọa độ VN 2000 KTT 106°00', múi chiều 3°		Điểm	Hệ tọa độ VN 2000 KTT 106°00', múi chiều 3°	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1958078.57	550796.86	21	1957769.50	550780.46
2	1958012.90	550904.47	22	1957770.99	550777.24
3	1958040.45	550986.32	23	1957801.81	550750.58
4	1958000.00	550999.93	24	1957845.68	550778.12
5	1957981.69	551006.09	25	1957831.55	550801.33
6	1957972.31	550978.23	26	1957850.97	550812.32
7	1957847.37	550984.86	27	1957869.60	550826.72
8	1957749.32	550911.13	28	1957875.92	550818.51
9	1957737.90	550891.94	29	1957881.54	550823.21
10	1957743.93	550881.31	30	1957903.94	550790.27
11	1957813.24	550925.38	31	1957886.07	550773.55
12	1957816.74	550925.24	32	1957917.37	550720.62
13	1957820.12	550923.95	33	1957950.50	550742.61
14	1957859.55	550861.96	34	1957938.77	550765.38
15	1957859.24	550857.07	35	1957968.31	550783.21
16	1957855.86	550853.41	36	1957981.97	550764.63
17	1957768.70	550800.10	37	1958000.00	550777.10
18	1957766.01	550799.22	38	1958012.78	550785.45
19	1957771.44	550791.54	39	1958025.90	550763.94
20	1957769.27	550784.33			

Nguồn: Trích đo chỉnh lý lý địa chính kèm theo Quyết định giao đất số 704/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư:

+ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị, vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á”.

+ Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 18/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị, do ADB tài trợ”.

* Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến

môi trường của dự án:

- Văn kiện đầu tư xây dựng Dự án:

+ Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Văn kiện dự án: Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình, vay vốn ADB.

+ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình, vay vốn ADB.

- Về văn bản thẩm định thiết kế xây dựng:

+ Văn bản số 9004/SGTVT-CLCT ngày 25/12/2017 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình - Công trình Nâng cấp mở rộng Cảng cá Sông Gianh.

+ Văn bản số 4251/SXD-PTĐT&HTKT ngày 25/12/2020 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế thi công và dự toán các hạng mục: Các công trình kiến trúc và phụ trợ; hạng mục hạ tầng kỹ thuật công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình, vay vốn ADB.

+ Quyết định số 18/QĐ-KHĐT ngày 05/02/2024 của Sở Kế hoạch và đầu tư về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán bổ sung, điều chỉnh một số hạng mục công trình Nâng cấp và mở rộng Cảng cá Sông Gianh, huyện Bố Trạch thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 92/QĐ-STC ngày 20/3/2025 của Sở Tài chính về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán bổ sung, điều chỉnh một số hạng mục công trình: Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

- Về phê duyệt quy hoạch chi tiết:

+ Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông

Gianh, huyện Bố Trạch, tỷ lệ 1/500.

+ Quyết định số 4592/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh – huyện Bố Trạch, tỷ lệ 1/500.

- Về thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi:

+ Quyết định số 4738/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

- Về đất đai:

+ Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao đất cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình tại xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Về điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án:

+ Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện các công trình thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện các công trình và thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu xây lắp thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện các công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh; Nâng cấp hệ thống tưới, tiêu và thoát lũ sông Kênh Kìa khu vực thị xã Ba Đồn và huyện Quảng Trạch thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

- Về biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình:

+ Thông báo số 3243/TB-SGTVT ngày 14/10/2024 của Sở Giao thông vận tải

về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng hạng mục công trình: Bến cập tàu, công trình nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Báo cáo số 105/BC-BQLDA ngày 18/6/2025 của Ban quản lý dự án BIIG2 Quảng Bình về việc hoàn thành thi công xây dựng Công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

+ Thông báo số 2713/TB-SXD ngày 27/6/2025 của Sở Xây dựng về việc kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (Hạng mục: Phao báo hiệu, kè bảo vệ bờ, đường giao thông nội bộ, các công trình kiến trúc và phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật).

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình để đưa vào sử dụng ngày 22/7/2025 của Ban quản lý Dự án BIIG2 Quảng Trị;

- Hoạt động đóng và mở cửa Dự án:

+ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc công bố mở Cảng cá Sông Gianh.

+ Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc công bố đóng Cảng cá Sông Gianh để thi công nâng cấp, mở rộng.

+ Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc công bố mở Cảng cá Sông Gianh.

- Về phòng cháy chữa cháy:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC: Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 365/TD-PCCC ngày 22/7/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Quảng Bình.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống phòng cháy chữa cháy để đưa vào sử dụng ngày 30/6/2025 của Ban quản lý Dự án BIIG2.

- Quyết định số 1265/QĐ-SNNMT ngày 14/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Quyết định số 3044/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 28/7/2026 về việc công bố danh sách cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác định nguồn gốc thủy sản từ khai thác.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về

việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh”.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Tiếp nhận tàu cá, bốc dỡ, phân loại, sơ chế, bảo quản, mua bán và phân phối thủy sản; cung cấp nước ngọt, nước đá, nhu yếu phẩm, ngư cụ và các dịch vụ hỗ trợ phục vụ hoạt động khai thác thủy sản.

- Quy mô của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công: Tổng vốn đầu tư của Dự án là 140.754.582.176 đồng (bao gồm vốn đầu tư Cảng cá Sông Gianh hiện trạng 37.289.878.176 đồng; vốn đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh 103.464.704.000 đồng). Dự án thuộc Dự án nhóm C quy định tại khoản 1, Điều 11 (Mức đầu tư < 240 tỷ đồng) Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/12/2024.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm môi trường quy định tại Khoản 4, Điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

- Phân nhóm đầu tư quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

Dự án thuộc Dự án đầu tư nhóm III, tại số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh” tại Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020. Theo Điểm c, Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường Dự án và Điểm c, Khoản 1, mục VII, phụ lục IX Nghị quyết 66.19/2026/NĐ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Dự án thuộc đối tượng phải lập thủ tục để được cấp giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Quảng Trị.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích cảng: 49.327,6 m².
- Quy mô, công suất đáp ứng 130 lượt tàu/ngày, tàu có công suất dưới 600 CV vào cập cảng, với năng lực bốc dỡ hàng hóa qua cảng đạt 22.000 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

- Hoạt động của Dự án chủ yếu là quy trình xuất - nhập hàng hóa thủy sản tại

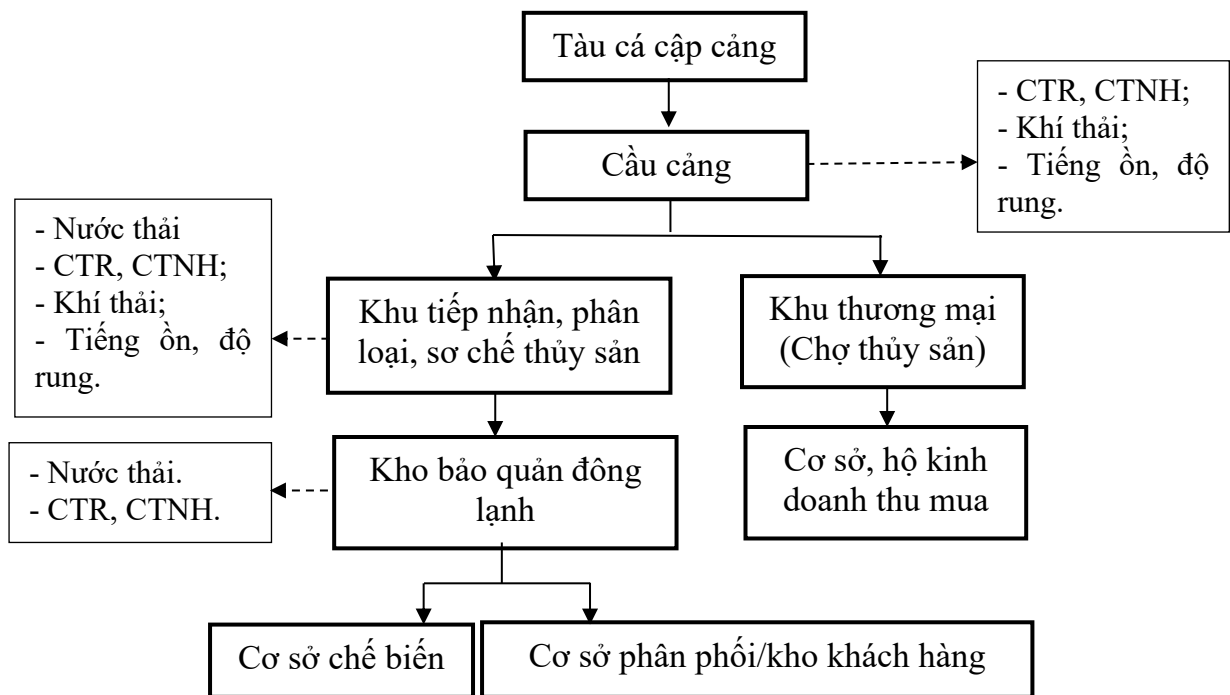
bến cảng.

Trong giai đoạn vận hành, hoạt động của Cảng cá được thực hiện theo quy trình tiếp nhận, bốc dỡ, xuất, nhập hàng hóa thủy sản. Hoạt động chính của Dự án là tiếp nhận tàu cá, bốc xếp, phân loại, bảo quản, kinh doanh và phân phối thủy sản, đồng thời cung cấp các dịch vụ hậu cần phục vụ tàu cá như cấp nước ngọt, nước đá, nhu yếu phẩm và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Cảng cá là công trình hạ tầng chuyên ngành thủy sản, có chức năng tiếp nhận tàu cá, tổ chức bốc dỡ thủy sản, giao dịch mua bán, bảo quản và phân phối sản phẩm thủy, hải sản. Do đó, các khu chức năng của cảng được bố trí phù hợp với dây chuyền khai thác và vận hành nhằm bảo đảm thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, đáp ứng nhu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Quy trình hoạt động của cảng gồm các hoạt động chính như sau:

** Quá trình nhập hàng:*



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ quy trình nhập hàng

Thuyết minh quy trình nhập hàng:

Tàu cá sau khi cập cảng sẽ tiến hành bốc dỡ thủy sản lên cầu cảng bằng băng tải, máng trượt, ô tô cầu hoặc cầu trên tàu (nếu có), kết hợp với nhân công. Thủy sản sau khi đưa lên bờ được chuyển đến khu tiếp nhận, phân loại, sơ chế thủy sản hoặc khu thương mại (chợ) thủy sản.

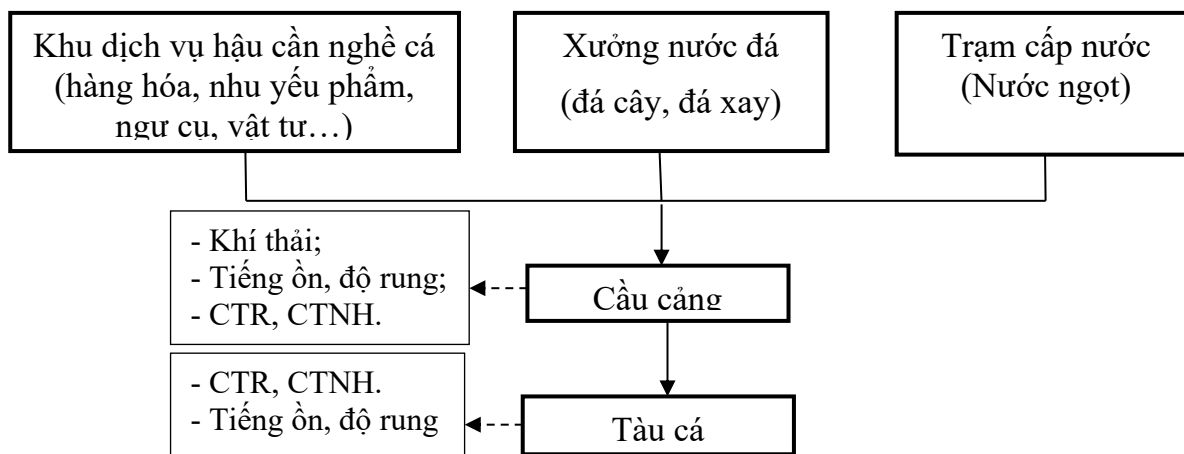
- Tại khu tiếp nhận, phân loại, sơ chế thủy sản: Thủy sản được phân loại, sơ chế, bảo quản bằng đá hoặc kho lạnh trước khi vận chuyển đến các cơ sở chế biến, phân phối hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

- Tại khu thương mại (chợ) thủy sản: Thủy sản được phân loại, mua bán và phân

phối trực tiếp đến các thương nhân, cơ sở thu mua và hộ tiêu thụ.

Trong quá trình nhập hàng phát sinh nước thải từ hoạt động phân loại, sơ chế thủy sản, kho đông lạnh và xưởng nước đá. Lượng nước thải này sẽ được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải của Cảng cá và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cảng để xử lý trước khi thoát ra môi trường; chất thải rắn gồm rác thải sinh hoạt, phế phẩm thủy sản, bao bì, rổ nhựa, can nhựa... Các chất thải được thu gom, xử lý theo quy định.

** Quá trình xuất hàng:*



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ quy trình xuất hàng

** Thuyết minh quy trình xuất hàng:*

Hàng hóa phục vụ hoạt động khai thác thủy sản như nhu yếu phẩm, ngư cụ, nước đá, nước ngọt và các vật tư khác được tập kết từ khu dịch vụ hậu cần nghề cá, xưởng sản xuất nước đá và trạm cấp nước, sau đó vận chuyển đến cầu cảng bằng xe đẩy hoặc xe tải nhỏ để cấp lên tàu cá trước khi tàu xuất bến. Trong quá trình xuất hàng chủ yếu phát sinh chất thải rắn như bao bì, dây buộc, rác sinh hoạt. Các chất thải được thu gom và xử lý theo quy định.

- Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng bên trong Cảng có từng quy trình sản xuất riêng, sẽ được mô tả trong hồ sơ môi trường của các Dự án.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Cảng cá loại II, đáp ứng quy mô, công suất 130 lượt tàu/ngày, tàu có công suất dưới 600 CV, năng lực bốc dỡ hàng hóa qua cảng đạt 22.000 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu của dự án

Trong giai đoạn này, Dự án sử dụng chủ yếu các loại nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động của cảng gồm: Điện, nước sạch, nước đá phục vụ bảo quản thủy

sản, vật tư vệ sinh, hàng hóa, nhu yếu phẩm, ngư cụ và các vật tư phục vụ hoạt động khai thác, bảo quản, tiêu thụ thủy sản và dịch vụ hậu cần.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Dự án

** Nhu cầu sử dụng điện:*

- Nguồn điện:

Nguồn điện phục vụ hoạt động của cảng cá, các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng trong cảng được cấp từ lưới điện quốc gia thông qua tuyến đường dây trung thế 22 kV, xuất tuyến XT472 - Trạm trung gian Nam Gianh. Điểm đầu nối tại vị trí M122/1A/XT472 Nam Gianh trên tuyến đường ngoài cảng. Đường dây đầu nối sử dụng cáp bọc cách điện AsXV-120 mm²-12,7/22(24) kV từ vị trí đầu nối đến trạm biến áp. (Biên bản số 170/Tth-ĐLBT ngày 18/9/2023 về việc thỏa thuận đầu nối và các yêu cầu kỹ thuật giữa điện lực Bố Trạch và Ban QLDA hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình).

- Trạm biến áp: 01 trạm biến áp 500 kVA và 01 trạm biến áp 560 kVA. Trạm biến áp kiểu treo trên 2 cột điện bê tông ly tâm (xây dựng thêm 01 cột BTLT-NPC>I-12-9,0) trạm treo bố trí ngoài trời trên cột BTLT, Móng cột bằng bê tông cốt thép, kiểu móng MT-3.

- Cáp điện trung thế sử dụng cáp nhôm lõi thép có vỏ bọc cách điện AsXV-120mm²-12,7/22(24)Kv.

- Cáp điện hạ thế sử dụng cáp Cu/PVC/XLPE/DSTA/PVC, tiết diện dây từ 185mm² đến 240mm² và cáp Lv-ABC-0,6/1Kv, tiết diện dây từ 35mm² đến 150mm² tùy theo xuất tuyến và nhánh rẽ.

- Điện chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng bố trí dọc theo các trục giao thông nội bộ, sân nhà văn phòng, bãi đỗ xe và tại khu vực bến cập tàu.

- Nguồn điện chiếu sáng được lấy từ đường dây trực chính các trạm biến áp 560 kVA hiện có, qua 01 tủ điều khiển chiếu sáng cấp đến các đèn. Dây dẫn đến tủ chiếu sáng sử dụng dây Cu/XLPE/PVC 3x25+1x16, dây đến các cột chiếu sáng cầu tàu sử dụng dây Cu/XLPE/PVC 3x16+1x10, dây cấp cho các điện chiếu sáng đường sử dụng cáp bọc vặn xoắn LV-ABC.

- Đèn chiếu sáng trong cảng: Sử dụng đèn đơn và đèn đôi chiếu sáng. Cản đèn kết hợp gắn vào các cột BTLT, cản cao 2,0m, độ vươn cản 1,5m bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led công suất 159W.

- Nhu cầu sử dụng: Theo tính toán nhu cầu sử dụng điện của các hạng mục công trình và chế độ vận hành thực tế, tổng điện năng tiêu thụ tại cảng cá ước tính trung bình khoảng 1.900 – 2.700 kWh/tháng.

** Nhu cầu sử dụng nước:*

Nguồn cấp nước cho cảng: Từ hệ thống cấp nước của công trình cấp nước sinh hoạt xã Thanh Trạch và các giếng khoan tại khu vực Dự án. (Văn bản số 45/TTN-QLCN ngày 20/3/2020 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn về việc thỏa thuận phương án đầu nối cấp nước cho công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh).

- Tuyến ống dẫn nước vào cảng gồm có 02 tuyến, tuyến đi từ cổng chính và tuyến đi từ cổng phụ vào (chờ đầu nối theo quy hoạch), ống dẫn nước sử dụng loại ống HDPE D160 đầu nối với đường ống cấp nước D200 của khu vực rồi dẫn truyền đến mạng cấp nước của cảng. Đường ống cấp đặt ngầm dưới vỉa hè đường, chiều sâu chôn trung bình 80 cm đến 90 cm. Để tận dụng được áp lực sẵn có của nguồn cấp, ống cấp nước dẫn đến cảng được đầu nối theo 3 đường đến mạng cấp nước của cảng bao gồm: (1) đầu nối trực tiếp với mạng cấp nước sản xuất, sinh hoạt trong cảng; (2) đầu nối trực tiếp đến máy bơm nước lên đài; (3) đầu nối trực tiếp đến bể chứa nước.

- Mạng phân phối cấp nước: Gồm 3 trục cấp nước chính chạy dọc trục đường dọc trong cảng, các trục ống kết nối sử dụng loại ống HDPE đường kính D50 mm, D110 mm.

- Trụ cấp nước cứu hỏa: Gồm 10 trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà loại 03 cửa (02 cửa D69 và 01 cửa D110), trong đó 07 trụ bố trí trong phạm vi khu đất của cảng, 03 trụ bố trí trên bến cập tàu (theo văn bản số 138/GYGP-PCCC ngày 09/6/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Quảng Bình).

- Trụ cấp nước cho tàu gồm 13 trụ bố trí phù hợp và phân bố đều trên bến cập tàu, ống cấp nước bằng HDPE D50mm, trụ van cấp nước D50mm.

* Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt và sản xuất tại Cảng:

- Theo kết quả điều tra, trên cơ sở lượng nước cấp và lượng nước thải phát sinh thực tế, kết hợp với dự kiến khi Cảng cá được xây dựng hoàn chỉnh và hoạt động tối đa công suất, tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải phát sinh tại Cảng cá như sau:

Bảng 1.2. Bảng khối lượng nước cấp, nước thải của Dự án trong 1 ngày

STT	Nguồn phát sinh	Lượng nước theo thực tế (m ³ /ngày.đêm)		Lượng nước khi hoạt động tối đa công suất (m ³ /ngày.đêm)	
		Lượng nước cấp	Lượng nước thải	Lượng nước cấp	Lượng nước thải
1	Nước sinh hoạt	24	24	40	40
2	Nước sản xuất	216,5	90,8	610	168
2.1	Nước cho tàu đánh bắt cá	5	-	100	-
2.2	Nước khu tiếp	112	89,6	198,75	159

	nhận, phân loại và sơ chế thủy sản				
2.3	Nước kho đông lạnh	1,5	1,2	11,25	9
2.4	Nước xưởng nước đá	98	-	300	-
Tổng		240,5	114,8	650	208

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra hiện trạng tại Cảng cá sông Gianh ngày 15/7/2026 của Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá

Hiện nay, toàn bộ diện tích mặt bằng tại Cảng cá Sông Gianh đã được cho các tổ chức, cá nhân thuê để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá. Tuy nhiên, trên thực tế, các tổ chức, cá nhân chưa đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác toàn bộ diện tích đã thuê. Một số đơn vị mới chỉ thuê mặt bằng nhưng chưa triển khai xây dựng công trình; một số công trình đã được xây dựng nhưng chưa đưa vào hoạt động hoặc hoạt động chưa hết công suất. Do đó, mặc dù toàn bộ mặt bằng đã được cho thuê, nhưng quy mô khai thác, sử dụng thực tế tại Cảng hiện vẫn chưa đạt mức tối đa theo diện tích đã cho thuê.

Theo kết quả điều tra hiện trạng tại Cảng cá sông Gianh ngày 15/7/2026, tổng nhu cầu sử dụng nước hiện nay tại Cảng cá Sông Gianh khoảng 240,5 m³/ngày.đêm, tỷ lệ nước thải sinh hoạt bằng là 100% lượng nước cấp (Điểm a, Khoản 1, Điều 39, Nghị định 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 về thoát nước và xử lý nước thải), tỷ lệ nước thải sản xuất bằng 80% lượng nước cấp (Điểm a, Khoản 2, Điều 39, Nghị định 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 về thoát nước và xử lý nước thải), do đó tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 114,8 m³/ngày.đêm. Lượng nước cấp và nước thải thực tế chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản, kho đông lạnh và xưởng nước đá của các tổ chức, cá nhân đang hoạt động tại Cảng. Một phần lượng nước cấp được sử dụng cho các mục đích không phát sinh nước thải như cấp nước cho tàu đánh bắt cá và sử dụng làm nguyên liệu sản xuất nước đá.

- Theo kế hoạch hoạt động, toàn bộ diện tích mặt bằng tại Cảng cá Sông Gianh được bố trí cho các tổ chức, cá nhân thuê để đầu tư xây dựng và khai thác. Khi các công trình được hoàn thiện và đưa vào hoạt động với quy mô tối đa, nhu cầu sử dụng nước dự kiến khoảng 650 m³/ngày.đêm.

Lượng nước cấp sử dụng cho các mục đích khác nhau không hoàn toàn chuyển thành nước thải. Cụ thể, nước cấp phục vụ tàu đánh bắt cá chủ yếu được sử dụng trực tiếp trên tàu nên không phát sinh nước thải tại Cảng cá; nước cấp cho xưởng sản xuất

nước đã chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất đá. Đối với các mục đích sử dụng nước còn lại, lượng nước thải được xác định căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước và đặc điểm của từng hoạt động. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt bằng là 100% lượng nước cấp (Điểm a, Khoản 1, Điều 39, Nghị định 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 về thoát nước và xử lý nước thải), tỷ lệ nước thải sản xuất bằng 80% lượng nước cấp (Điểm a, Khoản 2, Điều 39, Nghị định 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 về thoát nước và xử lý nước thải).

Trên cơ sở đó, khi Cảng cá hoạt động với quy mô tối đa, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 40 m³/ngày.đêm, lượng nước thải sản xuất khoảng 168 m³/ngày.đêm. Tổng lượng nước thải phát sinh dự kiến khoảng 208 m³/ngày.đêm.

** Nhu cầu sử dụng hóa chất:*

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, các loại hóa chất PAC, PAA và Javen (NaClO) được sử dụng với liều lượng phù hợp nhằm hỗ trợ quá trình keo tụ, tạo bông và khử trùng nước thải. Định mức sử dụng hóa chất được xác định theo lượng nước thải cần xử lý, cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Định mức hóa chất sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

STT	Loại hóa chất	Khối lượng (kg/m ³ nước thải)	Khối lượng (kg/ngày.đêm)	Mục đích sử dụng
1	PAC	0,03	7,5	Keo tụ các chất bẩn trong nước thải
2	PAA	0,002	0,5	Tạo bông các chất bẩn trong nước thải
3	Javen (NaClO)	0,005	1,25	Khử trùng nước thải tại bể khử trùng

5. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường

Sau khi được cấp Giấy phép môi trường, Cảng cá sông Gianh tiếp tục vận hành các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và các công trình bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

a. Công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải:

- Khu vực tiếp nhận, phân loại, sơ chế thủy sản (phát sinh nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn);
- Khu vực kho đông lạnh, bốc dỡ và xuất hàng (phát sinh nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn);
- Khu nhà điều hành, nhà trực kết hợp phòng nghỉ và nhà vệ sinh công cộng (phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại);
- Các khu vực hoạt động dịch vụ, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng trong Cảng (phát sinh

nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn thông thường tùy theo loại hình hoạt động, chất thải nguy hại).

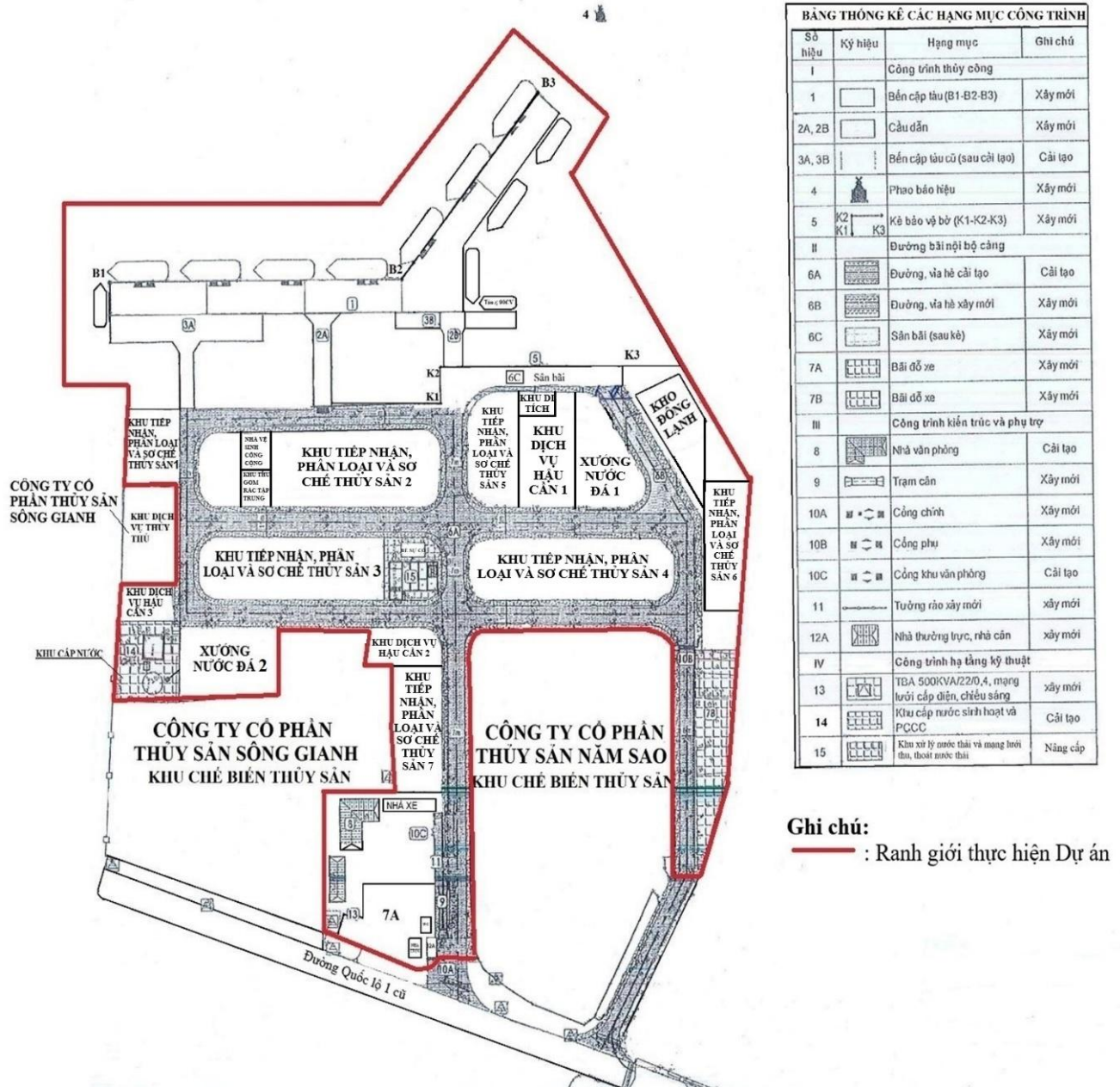
b. Công trình bảo vệ môi trường:

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại;
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa;
- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

6. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

6.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Tổng mặt bằng các hạng mục sau khi nâng cấp và mở rộng của Dự án:



Hình 1.1. Mặt bằng các hạng mục của Dự án

Dự án được thực hiện với tổng diện tích 49.327,6 m². Quy mô các hạng mục như sau:

Bảng 1.4. Thông kê các hạng mục công trình tại Dự án

Số hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Hạng mục chính		29.768,19	60,35	
1.1	Bến cập tàu (B1-B2-B3)	m ²	2.496	5,06	Xây mới
1.2	Cầu dẫn	m ²	409,64	0,83	Xây mới
1.3	Bến cập tàu cũ (sau cải tạo)	m ²	1.040	2,11	Cải tạo
1.4	Kè bảo vệ bờ	m	92,14	-	Xây mới
1.5	Khu nước của cảng	m ²	11.710,96	23,74	Xây mới
1.6	Phao báo hiệu	Cái	2	-	Xây mới
1.7	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 1	m ²	584	1,18	Giữ nguyên
1.8	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 2	m ²	2.267	4,6	Giữ nguyên
1.9	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 3	m ²	896,6	1,82	Giữ nguyên
1.10	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 4	m ²	1.756,5	3,56	Giữ nguyên
1.11	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 5	m ²	2.720	5,51	Giữ nguyên
1.12	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 6	m ²	1.073	2,18	Giữ nguyên
1.13	Đất khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 7	m ²	880,80	1,75	Giữ nguyên
1.14	Đất xưởng nước đá 1	m ²	1.073	2,14	Giữ nguyên
1.15	Đất xưởng nước đá 2	m ²	828,86	1,62	Giữ nguyên
1.16	Đất khu dịch vụ hậu cần 1 (ngư, lưới cụ, nhu yếu phẩm...)	m ²	622	1,24	Giữ nguyên
1.17	Đất khu dịch vụ hậu cần 2 (ngư, lưới cụ, nhu yếu phẩm...)	m ²	428,2	0,85	Giữ nguyên
1.18	Đất khu dịch vụ hậu cần 3 (ngư, lưới cụ, nhu yếu phẩm...)	m ²	170	0,34	Giữ nguyên
1.19	Kho đông lạnh	m ²	811,63	1,62	Giữ nguyên
II	Hạng mục công trình phụ trợ	m²	19.246,54	39,02	
2.1	Đất khu văn phòng điều hành (bao gồm nhà văn phòng, sân bãi, nhà xe)	m ²	1.680	3,41	Cải tạo
2.2	Đất khu cấp nước	m ²	585	1,19	Cải tạo
2.3	Đất khu cấp điện	m ²	150	0,3	Xây mới

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

Số hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
2.4	Đường, vỉa hè, cổng	m ²	13.984,74	28,35	Cải tạo, nâng cấp
2.5	Sân bãi	m ²	588,75	1,19	Xây mới
2.6	Đất bãi đỗ xe (gần tường rào - phía Đông Nam)	m ²	1.004,8	2,04	Xây mới
2.7	Đất bãi đỗ xe (gần trạm cân – phía Tây Nam)	m ²	927,17	1,88	Xây mới
2.8	Nhà vệ sinh công cộng	m ²	82,35	0,17	Xây mới
2.9	Nhà thương trực kết hợp trạm cân	m ²	15	0,03	Nâng cấp
2.10	Nhà trực kết hợp phòng nghỉ	m ²	22	0,04	Xây mới
2.11	Nhà vệ sinh gần nhà trực kết hợp phòng nghỉ	m ²	12	0,02	Xây mới
2.12	Trạm cân	m ²	94,73	0,19	Xây mới
2.13	Đất di tích	m ²	100	0,2	Giữ nguyên
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	m²	312,87	0,63	
3.1	Đất khu xử lý nước thải	m ²	231,87	0,47	Xây mới
3.2	Bể xử lý nước thải cũ (được tận dụng làm bể sự cố)	m ²	28	0,06	Giữ nguyên
3.3	Khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung	m ²	48	0,1	Xây mới
3.4	Kho chất thải nguy hại	m ²	5	0,01	Giữ nguyên
IV	Hạ tầng kỹ thuật				
4.1	TBA 500KVA/22/0,4, mạng lưới cấp điện, chiếu sáng	Toàn bộ	1	-	Xây mới
4.2	TBA 560 KVA	Trạm	1	-	Giữ nguyên
4.3	Khu cấp nước sinh hoạt và PCCC	Toàn bộ	1	-	Cải tạo
4.4	Mạng lưới thu, thoát nước thải	Toàn bộ	1	-	Nâng cấp
4.5	Cổng phụ	Cái	1	-	Xây mới
4.6	Cổng chính	Cái	1	-	Xây mới
4.7	Cổng khu văn phòng	Cái	1	-	Nâng cấp
Tổng		m²	49.327,6		

Các hạng mục công trình được xây mới, cải tạo sau Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh” cụ thể như sau:

a. Bến cập tàu:

Kết cấu hệ khung dầm bản BTCT trên nền cọc BTCT. Bến gồm 2 phần là phần bến cập tàu và cầu dẫn.

a.1. Phần bến cập tàu xây mới:

- Kết cấu dạng cầu tàu đài cọc cao, kết cấu dầm bản BTCT M400 trên nền móng cọc BTCT. Chiều dài tuyến bến là 208m, chiều rộng bến là 12m.

- Nền cọc của bến theo phương ngang gồm 5 hàng cọc, trong đó 2 hàng cọc phía ngoài giáp tuyến mép bến đóng xiên 10/1 về cả hai chiều để tăng khả năng chịu lực xô ngang, xô dọc. Khoảng cách giữa các cọc theo phương dọc bến cách đều $a = 3,0\text{m}$, theo phương ngang từ (1-3,5)m. Cọc sử dụng là loại cọc BTCT dự ứng lực PHC, đường kính cọc D500/300, chiều dài cọc $L = 43,0\text{m}$.

- Hệ dầm dọc, dầm ngang bằng BTCT M400, kích thước dầm (60x80)cm.

- Bản mặt cầu dày 30cm bằng BTCT M400, trên mặt bản phủ lớp BTXM M400 để tạo dốc thoát nước và chống mài mòn kết cấu chịu lực.

- Bậc thang lên xuống tàu bố trí tại mép bến phía trước, gờ chắn xe sơn phản quang, bích neo bằng gang đúc 30 tấn bố trí mép dọc tuyến bến để neo buộc tàu, đệm và tàu sử dụng loại đệm ống cao su tròn đường kính ngoài D300, chiều dài 250 cm.

a.2. Phần cầu dẫn:

- Xây dựng mới 02 cầu dẫn kết nối đường trong cảng với bến cập tàu (chiều rộng cầu dẫn 7,6m, lòng cầu rộng 7,0m, gờ chắn 2 bên kích thước 0,3mx0,3m). Trong đó, cầu dẫn thượng lưu dài 34m, cầu dẫn hạ lưu dài 19,9m. Kết cấu cầu dạng dầm bản bê tông cốt thép đặt trên nền cọc BTCT.

- Nền cọc cầu dẫn thượng lưu theo phương ngang bao gồm 02 hàng cách nhau 4,4m, theo phương dọc gồm các hàng cọc cách đều nhau từ (3-3,2)m. Cọc sử dụng là cọc BTCT dự ứng lực PHC D500/300 loại C, chiều dài cọc tính toán $L = 14\text{m}$.

- Nền cọc cầu dẫn hạ lưu gồm nền cọc đóng mới xen với nền cọc hiện hữu để tận dụng tham gia thêm vào khả năng chịu lực. Cọc đóng mới theo phương ngang gồm 02 hàng cách nhau 4,4m, theo phương dọc gồm các hàng cách nhau từ (2,7-4,2)m. Cọc sử dụng là cọc BTCT dự ứng lực PHC D500/300 loại C, chiều dài cọc tính toán $L = 12\text{m}$.

- Hệ dầm dọc, dầm ngang bằng BTCT M400, kích thước dầm (60x80)cm.

- Bản mặt cầu dày 30cm bằng BTCT M400, trên mặt bản phủ lớp BTXM M400 để tạo dốc thoát nước và chống mài mòn kết cấu chịu lực.

a.3. Phần cải tạo, nâng cấp cầu tàu hiện có:

Đối với dầm, trụ tựa tàu bị nứt, sụt mẻ:

- Tại các vị trí dầm, trụ bị bong lớp bảo vệ tiến hành đục tẩy vệ sinh lớp bê tông

bảo vệ và vệ sinh cốt thép.

- Quét lớp phụ gia liên kết sika monotop 610 tạo liên kết giữa bê tông cũ và vữa dặm vá. Chiều dày lớp là 1mm.

- Trát vữa sika monotop 615HB lớp bảo vệ dày 6cm (chia thành 3 lớp trát mỗi lớp 2cm và xoa nhẵn lớp hoàn thiện bên ngoài).

Đối với bê tông lớp phủ mặt bến, cầu tàu:

- Tạo nhám bề mặt, vệ sinh sạch bề mặt.

- Trộn và tưới Sikadur 732 ($0,8\text{kg/m}^2$).

- Đổ BTXM M400 đá 1x2cm phủ bề mặt bến đến cao độ thiết kế.

Đối với các trụ neo cũ bị hư hỏng: Phá dỡ phần trụ neo cũ, đục một phần bê tông, cấy thép neo chặt vào dầm ngang hiện hữu và lắp đặt các bích neo mới.

b. Phao báo hiệu:

Tại khu nước trước bến bố trí mới 01 phao báo hiệu phía thượng lưu và 01 phao báo hiệu phía hạ lưu. Phao có đường kính $D=1,2\text{m}$ bằng kết cấu thép được sơn 02 nước chống gỉ và 02 nước sơn màu, trên phao bố trí đầy đủ biển hiệu và đèn báo hiệu. Rùa neo phao bằng BTCT M300, trọng lượng 1500kg.

c. Hạng mục kè bảo vệ bờ:

- Kè bảo vệ bờ với tổng chiều dài kè $L=92,14\text{m}$ gồm 03 phân đoạn. Phân đoạn 1 có chiều dài $L_1=23,1\text{m}$ tiếp giáp với cầu dẫn 2 của bến cập tàu; phân đoạn 2 và 3 dài có chiều dài $L=34,5\text{m}/1$ phân đoạn tiếp giáp với sân bãi thủy sản. Cao trình đỉnh kè $+2,15\text{m}$, cao trình chân kè $-0,1\text{m}$ và có gờ chắn xe cao 20cm, cụ thể:

- * Phân đoạn 1 (phân đoạn kè sau cầu dẫn của bến):

- + Kết cấu kè phân đoạn 1 có dạng tường góc BTCT M400 trên nền cọc BTCT. Tường góc có mặt tường cao 2,15m (kể từ mặt bản đáy), dày 30cm. Bản đáy rộng 2,5m, dày 40cm, bản chống phía sau tường dày 30cm, bằng BTCT M400.

- + Nền móng kè bảo vệ bờ bằng các cọc BTCT ứng suất trước D500/300 đóng thành 2 hàng dọc, chiều dài cọc tính toán là 10m và lớp đá hộ.

- * Phân đoạn 2 và phân đoạn 3 có chiều dài mỗi đoạn $L=34,5\text{m}/1$ phân đoạn, tiếp giáp với sân bãi thủy sản: (điều chỉnh một số nội dung theo Quyết định số 18/QĐ-KHĐT ngày 05/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- + Điều chỉnh thành một phân đoạn với tổng chiều dài $L=69,04\text{m}$; cao trình đỉnh kè $+2,15\text{m}$, cao trình đỉnh chân kè $-0,1\text{m}$; gờ chắn xe bằng BTXM phía bờ sông;

- + Kè bảo vệ bờ bằng hệ cọc cừ ván BTCT dự ứng lực SW400A khớp nối với nhau bằng mộng âm dương, chiều dài cọc tính toán $L=12\text{m}/\text{cọc}$ (riêng tại vị trí cửa xả CX2 chiều dài cọc tính toán $L=10,0\text{m}/\text{cọc}$); trên đỉnh các cọc cừ ván thiết kế dầm BTCT M400, kích thước (60x80)cm để liên kết; Phía trong kè trải lớp vải địa kỹ

thuật trước khi đắp đất thi công các lớp sân bãi bên trong;

+ Gia cố chân kè phía ngoài sông là lớp đá hộc đổ làm thành lăng thể chân kè, mặt ngoài lăng thể đá hộc chân kè được gia cố lớp đá hộc xếp khăn một dày 30cm từ cao trình -0,5m lên đến đỉnh chân kè.

d. Hạng mục đường giao thông nội bộ:

d.1. Cải tạo, mở rộng mặt đường hiện có:

* Cải tạo mặt đường cũ: Cải tạo mặt đường cũ hiện có của các tuyến 1, 2, 3, 5, 6 và tuyến 7 với các nội dung:

- Tạo nhám mặt đường, vệ sinh mặt đường bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

- Quét lớp hồ dầu kết nối Sika Latex (hoặc loại tương đương).

- Đổ BTXM M300 dày (10-15)cm, lớp thép tăng cường $f_i=10\text{mm}$, tạo độ dốc theo yêu cầu.

- Khe co, giãn mặt đường cải tạo được thiết kế, thi công trùng với khe co giãn của mặt đường cũ, chèn khe co giãn bằng matít nhựa đường.

* Mở rộng mặt đường cũ:

- Các trục đường chính hiện có trong cảng được mở rộng để giao thông nội bộ trong cảng được thuận lợi, bao gồm:

+ Tuyến đường số 1: Mở rộng mặt đường phía trái tuyến trung bình 4,8m đoạn Km0+00 - Km0+70,35 (đoạn qua trạm cân từ cổng chính vào, $L = 70,35\text{m}$).

+ Tuyến đường số 5 (D9-D13): Mở rộng mặt đường phía phải tuyến trung bình thêm 2,0m với chiều dài $L = 110,22\text{m}$.

+ Tuyến đường số 6 (D4-D8-D12): Mở rộng mặt đường phía trái tuyến trung bình thêm 1,0m với chiều dài $L = 205,39\text{m}$.

+ Tuyến đường số 7 (D3-D7-D11): Mở rộng mặt đường phía phải tuyến trung bình thêm 0,5m với chiều dài $L = 205,39\text{m}$.

- Kết cấu phần đường mở rộng từ trên xuống dưới bao gồm các lớp:

+ Mặt đường BTXM M300 (có tăng cường lưới thép $f_i=10\text{mm}$) dày 20cm (thi công đồng thời với mặt đường BTXM trên đường cũ).

+ Lót 2 lớp giấy dầu.

+ Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm.

+ Lớp cát dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,95$.

d.2. Phân đường làm mới:

- Làm mới tuyến đường số 4 ($L = 60,0\text{ m}$) với bề rộng mặt đường $B_m = 6,0\text{m}$, bề rộng lề trái là 2,0m, bề rộng lề phải là 3,0m.

- Nối dài tuyến số 1 đoạn Km1+170,04 - Km1+209,39 ($L = 39,35\text{m}$) với bề rộng mặt đường $B_m = 7,0\text{m}$, bề rộng lề là 2m.

- Kết cấu nền, mặt đường mới từ trên xuống dưới như sau:

- + Mặt đường BTXM M300 dày 20cm;
- + Lót 2 lớp giấy dầu;
- + Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm.
- + Lót cát dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,95$.

- Mặt đường bê tông có bố trí các khe co giãn có thép truyền lực.

d.3. Sân bãi sau kè: Phía sau kè bảo vệ bờ hạ lưu (kè bờ K1-K2-K3) là sân bãi sử dụng để tập kết hàng hóa, nhu yếu phẩm và các thao tác khác. Xây dựng sân bãi sau kè phạm vi từ tuyến đường 1 đến tuyến đường 4 với chiều dài là 78,5m và chiều rộng 7,50m. Vía hè phía bờ rộng 2,0m. Kết cấu sân bãi gồm:

- Mặt đường BTXM M300 dày 20cm;
- Lót lớp giấy dầu;
- Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm;
- Nền đất tự nhiên hoặc nền cát đầm chặt $K \geq 0,95$.

d.4. Vía hè: Vía hè có chiều rộng trung bình từ (1,5-2,0)m, kết cấu bằng BTXM M200 dày 15cm trên lớp giấy dầu và lớp cát đầm chặt $K \geq 0,95$. Phía dưới đặt hệ thống đường ống cấp nước, cống thu, thoát nước mưa, nước thải.

d.5. Bãi đỗ xe: Xây dựng các bãi đỗ xe với tổng diện tích 1.931,97 m² gồm: Bãi 7A với diện tích khoảng 927,17 m² và bãi 7B diện tích 1.004,80 m². Kết cấu như sau:

- Lót BTXM M300 dày 15cm;
- Nền tự nhiên được san gạt, lu lèn chặt;

e. Hạng mục các công trình kiến trúc và phụ trợ:

e.1 Cải tạo nhà văn phòng:

- Mái nhà: Lợp mái tôn chống nóng, chống thấm. Vòi kèo thép L63x63x5 liên kết với trụ BTCT, xà gồ thép hình C (120x50x15x2,5)mm, mái lợp dày 0,45mm.

- Nền nhà: Lát lại nền nhà bằng gạch Ceramic (40x40)cm thay cho lớp gạch bông cũ.

- Phòng vệ sinh tầng 1 và tầng 2: Thay mới thiết bị vệ sinh, ốp lại tường và nền phòng vệ sinh.

- Làm mới hệ thống cấp nước: Phá dỡ bể chứa nước cũ, lắp đặt bồn cấp nước bằng INOX 1,5m³, máy bơm, đường ống cấp nước từ bồn chứa xuống các phòng vệ sinh.

- Lắp đặt hệ thống cấp điện mới: Cầu dao, aptomat, dây điện, lắp đặt các thiết bị điện gồm điều hòa, quạt trần, chiếu sáng.

- Lắp đặt hệ thống thu sét: Bao gồm 03 kim thu sét đặt trên đỉnh mái nhà.

- Sơn lại toàn bộ nhà.

- Thay hệ thống cửa gỗ hiện có đã hư hại bằng cửa mới; cải tạo nâng cốt nền

bằng BTXM M300 dày trung bình 20cm để bảo đảm thoát nước, mỹ quan công trình.

e.2. Cổng ra vào cảng:

- Cổng chính: Xây dựng cổng mới (thay thế cổng cũ đã xuống cấp và không phù hợp quy hoạch). Vị trí cổng nằm trên tuyến số 01 vào cảng, gồm cổng chính rộng 7,0m và cổng ra vào trạm cân rộng 4,8m. Cổng đóng mở bằng thanh chắn Barie. Cổng gồm 3 trụ cổng lõi bằng cột BTCT xây bao gạch bên ngoài.

- Cổng phụ: Đặt trên trục đường phía Đông cảng (tuyến đường 03 vào cảng) cánh cổng mở quay; kích thước cổng rộng 6,0m, kết cấu bằng thép sơn 2 nước chống gỉ và sơn màu bên ngoài.

e.3. Tường rào:

Tường rào xây dựng mới ở các vị trí sau trạm cân, phía sau bãi đỗ xe 7A bao quanh khu văn phòng cảng. Tường rào kết cấu dạng tường xây gạch, móng trụ tường rào BTCT M300. Phần tường cao 2,2m, xây gạch dày 110mm có giằng tường ở giữa và ở đỉnh tường. Phần trụ cao 2,5m dạng hình vuông, tiết diện (330x330)mm, lõi trụ BTCT M300 tiết diện (200x200)mm, bao ngoài xây gạch, khoảng cách giữa các trụ tường là 3,0m, thân tường rào có các ô thoáng rộng 11cm, cao 110cm. Tường trát dày 1,5cm; toàn bộ tường, trụ được sơn 1 nước lót, 2 nước phủ màu sáng. Móng tường bằng đá xây VXM M100, chôn sâu 50cm, trên đỉnh có giằng móng.

e.4. Nhà thường trực kết hợp trạm cân:

Xây dựng mới tại cổng chính của Cảng, diện tích 15m², gồm 2 phòng trong đó có 01 phòng thường trực (bảo vệ) và 01 phòng điều hành trạm cân. Kết cấu nhà dạng khung cột, dầm BTCT chịu lực, tường gạch xây, trần đổ BTCT lợp tôn chống nóng.

e.5. Trạm cân:

Xây dựng mới 01 trạm cân 80 tấn (bao gồm các thiết bị điện tử đi kèm). Vị trí trạm đặt ở gần cổng ra vào cảng và nhà thường trực theo đúng quy hoạch. Móng trạm gồm hệ các dầm ngang, dầm dọc BTCT trên lớp bê tông lót. Dầm ngang có dạng dầm kết hợp bản kích thước LxBxH = (330x200x28)cm, khoảng cách giữa các dầm là 5,6m và 5,95m theo vị trí chân khung thép trạm cân. Dầm dọc tiết diện (30x28)cm liên kết với các dầm ngang tạo hệ dầm. Bê tông dầm M300, bê tông lót M100. Đường dẫn lên trạm cân bằng BTCT M300 dày 20cm, hai bên có gờ chắn xe cao 10cm, độ dốc dọc của đường dẫn là 9%.

f. Nhà vệ sinh bố trí tại nhà trực kết hợp phòng nghỉ:

Diện tích 12,0m², kết cấu nhà dạng khung cột, dầm BTCT chịu lực, tường xây gạch, trần đổ BTCT, lợp mái tôn chống nóng.

g. Nhà trực kết hợp phòng nghỉ: diện tích 22,0m², chiều cao 4,25m. Kết cấu bằng khung dầm sàn BTCT M250, mái lợp tôn chống nóng.

h. Nhà vệ sinh công cộng: Kích thước (12,20x6,75)m, chiều cao 4,75m. Kết cấu bằng khung dầm sàn BTCT M250. Mái lợp tôn chống nóng. Tường xây gạch VXM M75, mặt tường ngoài quét sơn màu, mặt tường trong ốp gạch Ceramic. Móng xây bằng đá hộc VXM M75 kết hợp móng trụ BTCT.

i. Khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung: Kích thước (8,0x6,0)m, chiều cao 5,0m. Kết cấu bằng khung cột chịu lực BTCT M250 cao 1,5m, phía trên cột lắp đặt cột thép ống D114, mái lợp tôn sóng. Tường bao cao 1,5m xây bằng gạch VXM M75. Móng xây bằng đá hộc VXM M75 kết hợp móng trụ BTCT.

k. Nhà để xe tại khu đất văn phòng điều hành: Kích thước (20,5x7,0)m, chiều cao 3,5m, tạo dốc về phía sau. Kết cấu bằng khung cột thép ống D76 sơn tĩnh điện. Móng cột bằng BTCT M250 có khung bulon liên kết với cột thép. Mái lợp tôn sóng. Nền nhà đổ bê tông M150 láng VXM M75.

6.2. Hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng của Cảng cá Sông Gianh

a. Hiện trạng xây dựng của Dự án

Cảng cá Sông Gianh được xây dựng từ năm 1997 với tổng diện tích khoảng 5,0 ha, là một trong những công trình hạ tầng nghề cá quan trọng của tỉnh Quảng Bình (cũ). Khi đưa vào hoạt động, Cảng được đầu tư tương đối đồng bộ với các hạng mục chính bao gồm: 02 cầu tàu dạng chữ T (B = 10 m, L = 62,8 m; B = 6m; L = 49,1m, cầu dẫn B = 6 m); bãi tập kết hải sản có mái che; xưởng nước đá 30 tấn/ngày; hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống cấp điện, trạm biến áp 560 KVA; kè bờ bảo vệ khu cảng kết hợp bến thuyền nhỏ; khu nhà văn phòng, thường trực, ga ra xe các loại, cổng, hàng rào. Cảng đã được phê duyệt theo Quyết định số 310/QĐ-UB ngày 09/04/1997 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cảng Gianh Quảng Bình.

Giai đoạn năm 2014 – 2015, một hệ thống xử lý nước thải được xây dựng tại Cảng cá, gồm bể có kết cấu bê tông cốt thép, có nắp đậy, kích thước $D \times R \times C = 7 \text{ m} \times 4 \text{ m} \times 4 \text{ m}$, thể tích khoảng 112 m³. Hệ thống gồm các ngăn điều hòa, kỵ khí, lắng, khử trùng và chứa bùn; phía trên bể bố trí nhà bơm và khu vực vận hành. Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng lượng nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong Cảng cá, công suất xử lý của hệ thống không còn đáp ứng nhu cầu thực tế. Bên cạnh đó, hệ thống đường ống thu gom nước thải trong Cảng cá có quy mô nhỏ, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến khả năng thu gom và đưa nước thải về hệ thống xử lý.

Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải này đã dừng hoạt động và không còn được sử dụng cho mục đích xử lý nước thải. Trên cơ sở hiện trạng công trình và vị trí nằm cạnh hệ thống xử lý nước thải mới, Dự án tận dụng bể này làm bể sự cố để lưu chứa

tạm thời nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung mới gặp sự cố. Việc tận dụng công trình hiện hữu giúp phù hợp với mặt bằng thực tế, đồng thời hạn chế việc xây dựng thêm công trình mới.

Sau nhiều năm khai thác, dưới tác động của thời gian, điều kiện tự nhiên và cường độ hoạt động thường xuyên, hệ thống cơ sở hạ tầng của Cảng cá Sông Gianh đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều hạng mục không còn đáp ứng yêu cầu khai thác và phục vụ hoạt động nghề cá. Trong đó, hệ thống thoát nước bị xuống cấp; công trình xử lý nước thải không còn đáp ứng yêu cầu xử lý đối với quy mô hoạt động của Cảng; điều kiện hạ tầng bến cập tàu hạn chế, chưa đáp ứng khả năng tiếp nhận các tàu cá có công suất lớn; một số công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật cũng cần được cải tạo, nâng cấp nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường và hiệu quả khai thác. Những hạn chế trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy mô và định hướng phát triển nghề cá trong khu vực.

Trên cơ sở nhu cầu thực tế và định hướng phát triển hệ thống hạ tầng nghề cá, dự án “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh” được triển khai trên cơ sở các chủ trương, quy hoạch và quyết định đầu tư của Trung ương và địa phương. Cụ thể, dự án được thực hiện theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị”; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 18/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị”; Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Văn kiện dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình”; Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình, vay vốn ADB.

Về công tác bảo vệ môi trường, dự án “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh” đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020. Với chủ đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình. Đơn vị điều hành Dự án là Ban Quản lý Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Bình (Ban QLDA BIIG 2 Quảng Bình).

Quá trình triển khai Dự án đã được thực hiện theo đúng định hướng đầu tư và các hồ sơ, quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi hoàn thành các

hạng mục xây dựng, Dự án đã được Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng nghiệm thu để đưa vào khai thác, sử dụng. Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình để đưa vào sử dụng ngày 22/7/2025 của Ban quản lý dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị, đơn vị khai thác và sử dụng là Ban quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Theo phương án được phê duyệt, Cảng cá Sông Gianh được đầu tư nâng cấp, mở rộng theo hướng đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, từng bước khắc phục những tồn tại của công trình hiện hữu và nâng cao năng lực khai thác, phục vụ tàu cá. Các hạng mục đầu tư chủ yếu gồm: xây mới khu bến cập tàu cách bến cũ khoảng 12 m, phục vụ neo đậu cho tàu công suất đến 600 CV; xây dựng kè bờ phía hạ lưu; xây mới hệ thống thu gom, thoát nước thải và trạm xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm; cải tạo, xây mới hệ thống đường giao thông, vỉa hè và hệ thống thu gom thoát nước mưa trong khu vực cảng; cải tạo nhà văn phòng; cải tạo khu cấp nước sinh hoạt và hệ thống phòng cháy, chữa cháy; xây dựng sân bãi, khu vực đỗ xe; xây dựng hệ thống cổng chính, cổng phụ, cổng văn phòng, tường rào, nhà thường trực, trạm cân, nhà trực kết hợp phòng nghỉ, khu lưu giữ chất thải rắn tập trung, nhà vệ sinh công cộng; đồng thời đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

b. Hiện trạng các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tại Dự án

Bảng 1.5. Hiện trạng cho thuê sử dụng đất

STT	CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THUÊ MẶT BẰNG	DIỆN TÍCH	MỤC ĐÍCH	THỜI HẠN THUÊ
1	Trần Đại Nghĩa	375	Bách hóa + giải khát	2008 - 2033
2	Công ty TNHH Vận tải và thương mại Thuận Lợi	1.025	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2012 - 2032
3	Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh	650	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2014 - 2034
4	Công ty TNHH DV thương mại và vận tải 268	412	Sản xuất đá lạnh	2012 - 2032
5	Công ty TNHH thủy sản và Thương mại DV Tâm Quyên QB	905	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2016 - 2036
6	Công ty TNHH thương mại tổng hợp Phước Sang	1.863	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2012 - 2034
7	Hoàng Thị Lương	224	Dịch vụ hậu cần nghề cá	2012 - 2033
8	Hoàng Thị Mỹ Châu	40	Dịch vụ hậu cần nghề cá	2005 - 2025

9	Công ty TNHH thủy sản và Thương mại DV Ngọc Hạ	563	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2012 - 2035
10	Dương Thị Hà	265	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2012 - 2035
11	Hoàng Thơ	202	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2024 - 2033
12	Phan Thị Mỹ Hương	302	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2013 - 2033
13	Phạm Thị Thanh Mai	2.146	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2012 - 2058
		812	Kho đông	2012 - 2058
14	Trần Thị Phụng	189	Bách hóa + giải khát	2010 - 2030
15	Nguyễn Thị Phương	80	Bách hóa + giải khát	2023 - 2027
16	Nguyễn Thị Hảo	108	Bách hóa + giải khát	2012 - 2032
17	Hồ Thị An	346	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2009 - 2029
18	Nguyễn Hồng Quảng	948	Dịch vụ hậu cần nghề cá	2009 - 2029
19	Nguyễn Thị Thảo	432	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2010 - 2030
20	Hoàng Thị Nhi	267	Thu mua, phân loại và sơ chế thủy sản	2014 - 2034
21	Nguyễn Viết Lợi	75	Dịch vụ hậu cần nghề cá	2023 - 2027
22	Nguyễn Thị Thuỳ	50	Bách hóa + giải khát	2023 - 2027

Nguồn: Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá

6.3. Tổ chức quản lý và hoạt động của Dự án

*** Hình thức quản lý:**

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá là chủ dự án, Cảng cá Sông Gianh quản lý, vận hành; đồng thời chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng, giám sát công trình và tổ chức thu gom, xử lý chất thải phát sinh.

*** Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:**

- Thời gian làm việc 365 ngày/năm.
- Số lượng CBCNV làm việc tại Cảng cá Sông Gianh: 8 người.
- Số lượng người lao động của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng và thủy thủ lưu trú tại Dự án: 392 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án “Cảng cá Sông Gianh” phù hợp với các quy hoạch như sau:

** Về Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:*

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, việc phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Dự án “Cảng cá Sông Gianh” được thực hiện trên cơ sở nâng cấp, mở rộng cảng cá hiện hữu, tiếp tục phục vụ các hoạt động tiếp nhận tàu cá, bốc dỡ, thu mua, phân loại, sơ chế thủy sản và cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá. Đây là các hoạt động gắn với chức năng khai thác và dịch vụ của cảng cá, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động thủy sản tại khu vực.

Trong quá trình hoạt động, Dự án bố trí các công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày.đêm; nước thải được thu gom, xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải phát sinh từ các hoạt động tại Cảng và chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, lưu giữ và quản lý theo quy định. Đồng thời, Dự án có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh và lan truyền chất ô nhiễm ra khu vực xung quanh.

Với việc duy trì, nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường gắn với hoạt động khai thác cảng, Dự án bảo đảm việc phát triển hoạt động dịch vụ cảng cá đi đôi với kiểm soát các nguồn thải phát sinh, góp phần hạn chế tác động đến môi trường khu vực sông Gianh. Do đó, việc đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh cơ bản phù hợp với các định hướng về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường được xác định tại Quyết định số 611/QĐ-TTg.

** Về quy hoạch tỉnh Quảng Trị:*

Dự án “Cảng cá Sông Gianh” phù hợp với định hướng phát triển ngành thủy sản tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, cụ thể:

- + Phân vùng môi trường: Dự án thuộc phân vùng môi trường vùng khác.
- + Phương án phát triển ngành nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản:

- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn khai thác thủy sản với phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Phù hợp với định hướng đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy sản, đặc biệt là hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đáp ứng nhu cầu bốc dỡ, phân loại, bảo quản và tiêu thụ thủy sản.

- Góp phần nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá, phục vụ tàu khai thác thủy sản, tạo điều kiện phát triển chuỗi khai thác – thu mua – bảo quản – tiêu thụ thủy sản.

- Góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế biển, nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản, bảo đảm an toàn cho tàu cá trong mùa mưa bão thông qua việc kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão.

- Bên cạnh đó, tại Phụ lục IV của Quy hoạch tỉnh, Cảng cá Sông Gianh được định hướng phát triển thành cảng cá loại I tại xã Bắc Trạch, kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Gianh. Dự án hiện đang là cảng cá loại II; việc đầu tư và vận hành dự án phù hợp với định hướng phát triển hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão của tỉnh theo Quy hoạch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, cụ thể:

+ Đối với hệ thống khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ), quy hoạch 06 khu vực, gồm: Bắc sông Gianh, thị xã Ba Đồn (cấp vùng kết hợp với Cảng cá Sông Gianh) với quy mô 1.000 chiếc/1.000 CV; Cửa Gianh, huyện Bố Trạch (kết hợp Cảng cá Sông Gianh) với quy mô 450 chiếc/300 CV; Cửa Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới với quy mô 600 chiếc/300 CV; Cửa Roòn, huyện Quảng Trạch với quy mô 300 chiếc/200 CV; Cửa Lý Hòa, huyện Bố Trạch với quy mô 500 chiếc/300 CV; Khu chợ Gội, huyện Quảng Ninh với quy mô 150 chiếc/90 CV.

+ Đối với hệ thống cảng cá, Cảng cá Sông Gianh được quy hoạch là cảng cá loại I đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ), với năng lực tiếp nhận 130 lượt tàu/ngày, tàu có công suất đến 600 CV và sản lượng thủy sản qua cảng khoảng 17.000 tấn/năm. Theo định hướng quy hoạch, Cảng cá Sông Gianh có vai trò là đầu mối phục vụ tàu cá, tiếp nhận, bốc dỡ thủy sản và cung cấp các dịch vụ hậu cần nghề cá.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường

Cảng cá Sông Gianh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt báo

cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh”. Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã xem xét các nguồn tác động của Dự án và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tương ứng.

Hiện nay, Dự án tiếp tục được thực hiện theo phương án nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh, với chức năng chính là tiếp nhận tàu cá, bốc dỡ, thu mua, phân loại, sơ chế thủy sản và cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá. Việc điều chỉnh, hoàn thiện các hạng mục không làm thay đổi đáng kể chức năng sử dụng đất và tính chất hoạt động chính của Cảng so với nội dung đã được đánh giá trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khu vực xung quanh Cảng đã có các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động từ thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó có Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh và Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Sao; do đó, các nguồn thải hiện hữu trong khu vực đã được xem xét trong bối cảnh môi trường tại thời điểm đánh giá.

Các nguồn nước thải phát sinh tại Cảng được thu gom và xử lý tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 250 m³/ngày.đêm, đáp ứng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của Cảng. Các loại chất thải khác được thu gom, phân loại, lưu giữ và quản lý theo quy định.

Trên cơ sở nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, hiện trạng môi trường khu vực và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được bố trí tại Cảng, việc tiếp tục thực hiện Dự án không làm phát sinh nguồn thải mới mang tính chất đáng kể so với bối cảnh đã được xem xét tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Việc kiểm soát, thu gom và xử lý các nguồn thải theo quy định góp phần hạn chế tác động đến môi trường khu vực. Theo đó, Dự án phù hợp với khả năng tiếp nhận của môi trường khu vực với điều kiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được duy trì và vận hành đúng quy định.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn được xây dựng đồng bộ trong khuôn viên khu vực Cảng cá Sông Gianh, tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Nước mưa chảy tràn phát sinh từ các khu vực như mái nhà, đường giao thông, vỉa hè, khu vực cây xanh và các khu vực khác trong phạm vi Cảng sẽ được thu gom vào các hố ga gần nhất và dẫn theo đường ống, rãnh thoát nước mưa của từng hệ thống cục bộ. Sau đó, nước mưa từ các hệ thống thoát nước cục bộ được dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực Cảng cá Sông Gianh, tiếp tục theo các tuyến thoát nước và thoát ra sông Gianh qua 02 cửa xả (CX1 và CX2) tại phía Bắc khu vực Cảng.

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cảng cá Sông Gianh được bố trí gồm 06 tuyến thu gom, phân thành 02 hướng thoát chính tương ứng với 02 cửa xả, cụ thể như sau:

- Các tuyến thu gom nước mưa về cửa xả số 01 (CX1):

* Tuyến số G1 (G1.1-G1.7-G1.13-CX1): Thu gom nước mưa tại khu vực phía Nam và Tây Nam Dự án, bao gồm các dãy nhà khu văn phòng điều hành; trạm cân; nhà thường trực kết hợp trạm cân; nhà trực kết hợp phòng nghỉ; khu vực gara ô tô, xe máy; khu dịch vụ hậu cần 4 và khu vực phía Tây Bắc của Công ty Cổ phần Thủy sản Năm sao.

* Tuyến số G2 (G2.1-G2.5-G1.7): Thu gom nước mưa tại khu vực phía Tây và Tây Nam của khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 3 và khu vực phía Đông Bắc của xưởng nước đá 2; khu dịch vụ hậu cần 3 và Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh.

* Tuyến số G3 (G3.1-G3.4-G1.10): Thu gom nước mưa phía Tây và Tây Nam của khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 2; khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 1 và khu dịch vụ thủy thủ của Công ty Cổ phần thủy sản sông Gianh.

Nước mưa từ các tuyến G1, G2 và G3 được thu gom, dẫn về phía Bắc và thoát ra sông Gianh qua cửa xả số 01 (CX1).

- Các tuyến thoát nước mưa về cửa xả số 02 (CX2):

* Tuyến số G4 (G4.1-G4.9-G4.14-CX2): Thu gom nước mưa tại khu vực phía Đông và Đông Nam của Dự án, bao gồm: Kho đông lạnh; khu vực Công ty Cổ phần Thủy sản Năm sao; khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 4; khu dịch vụ hậu cần 2; xưởng nước đá 1.

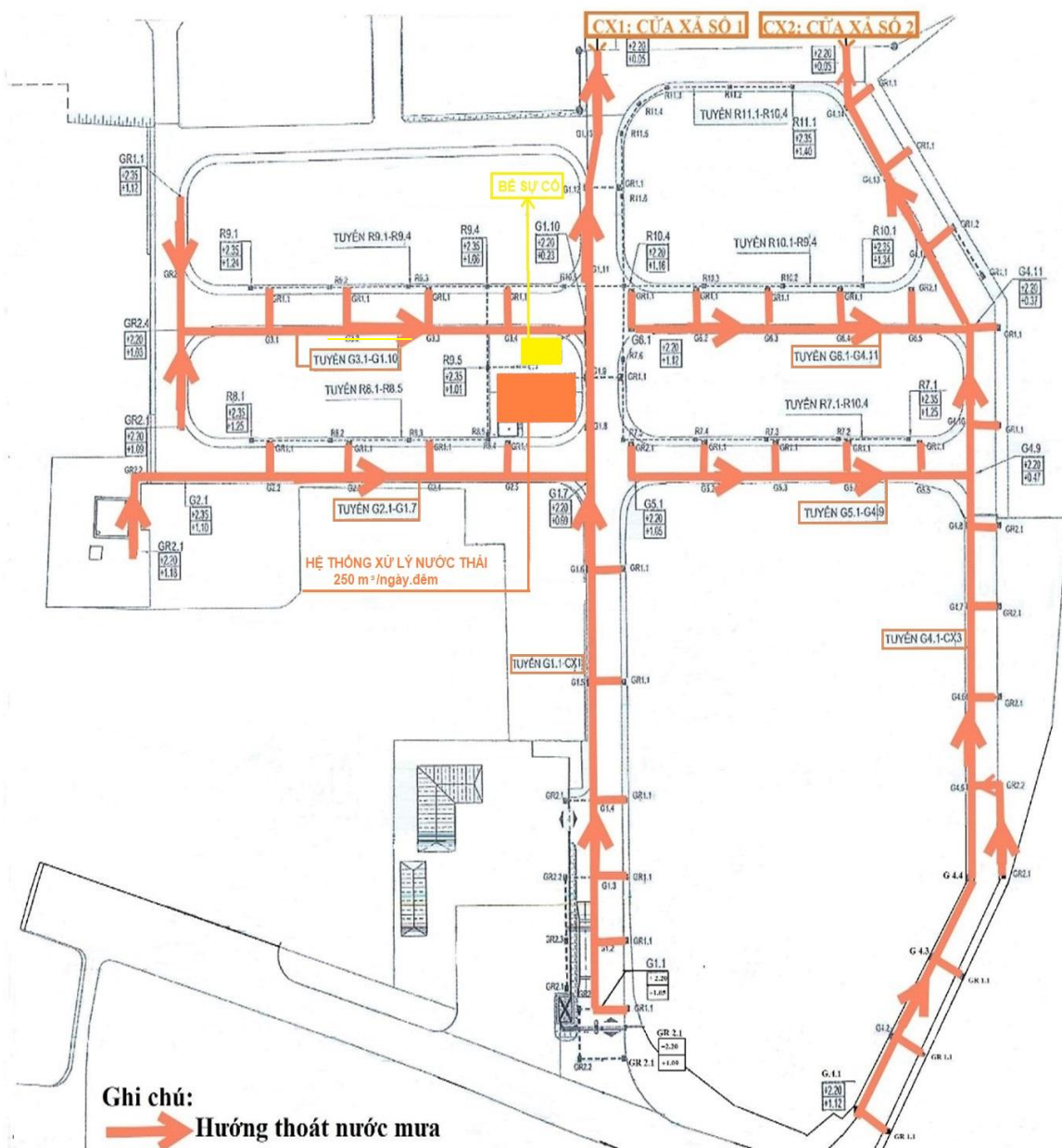
Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

* Tuyến số G5 (G5.1-G5.5-G4.9): Thu gom nước mưa tại khu vực phía Tây Nam của khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 4 và phía Đông Bắc của Công ty Cổ phần Thủy sản Năm sao.

* Tuyến số G6 (G6.1-G6.5-G4.11): Thu gom nước mưa tại khu vực phía Tây Nam khu dịch vụ hậu cần nghề cá 1 và phía Đông Bắc khu tiếp nhận, phân loại sơ chế thủy sản 4.

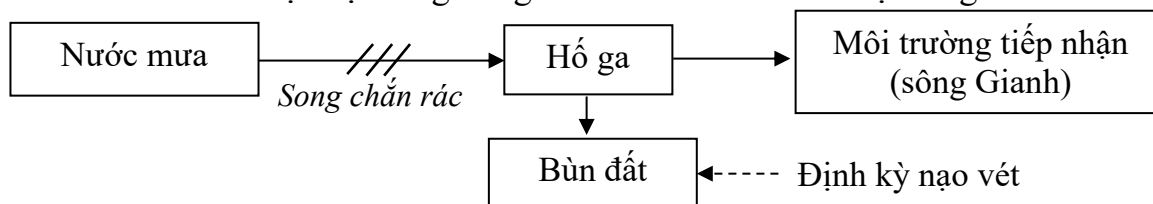
Nước mưa từ các tuyến G4, G5 và G6 được thu gom, dẫn về phía Bắc và thoát ra sông Gianh qua cửa xả số 02 (CX2).

PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC MƯA CỦA DỰ ÁN



Hình 3.1. Phương án thu gom thoát nước mưa của Dự án
(Có bản vẽ đính kèm theo phụ lục)

+ Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại cảng cá như sau:



Sơ đồ 3.1. Hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa của Dự án

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cảng cá Sông Gianh được bố trí gồm 02 tuyến thoát nước chính tương ứng với 02 cửa xả, sử dụng hệ thống đường cống bê tông cốt thép (BTCT) và các hố ga thu gom, cụ thể:

- Tuyến thoát nước về cửa xả số 01 (CX1): Bố trí dọc theo vỉa hè các tuyến G1, G2 và G3, sử dụng các ống cống BTCT đường kính D300, D400 và D600, tổng chiều dài 642,7m. Trên tuyến bố trí 50 hố ga kết cấu BTCT, kích thước (0,8 x 1,0)m và (0,6 x 1,0)m, có bố trí song chắn rác.

- Tuyến thoát nước về cửa xả số 2 (CX2): Bố trí dọc theo vỉa hè các tuyến G4, G5 và G6, sử dụng các ống cống BTCT đường kính D400 và D600, tổng chiều dài 786,4m. Trên tuyến bố trí 48 hố ga kết cấu BTCT, kích thước (0,8 x 1,0)m và (0,6 x 1,0)m, có bố trí song chắn rác.

- Song chắn rác: Được bố trí tại các hố ga, có kích thước khe hở 8mm, nhằm giữ lại rác và các chất rắn có kích thước lớn trước khi nước mưa thoát ra môi trường.

- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên vệ sinh, nạo vét, khai thông các rãnh, cống thoát nước và các hố ga bảo đảm không để xảy ra tình trạng ứ đọng nước.

- Với cách thiết kế và bố trí như trên, hệ thống thu gom và thoát nước mưa này có khả năng đáp ứng tốt việc tiêu thoát nước mưa chảy tràn trên toàn bộ khuôn viên của Dự án mà không gây ứ đọng, ngập úng cục bộ.

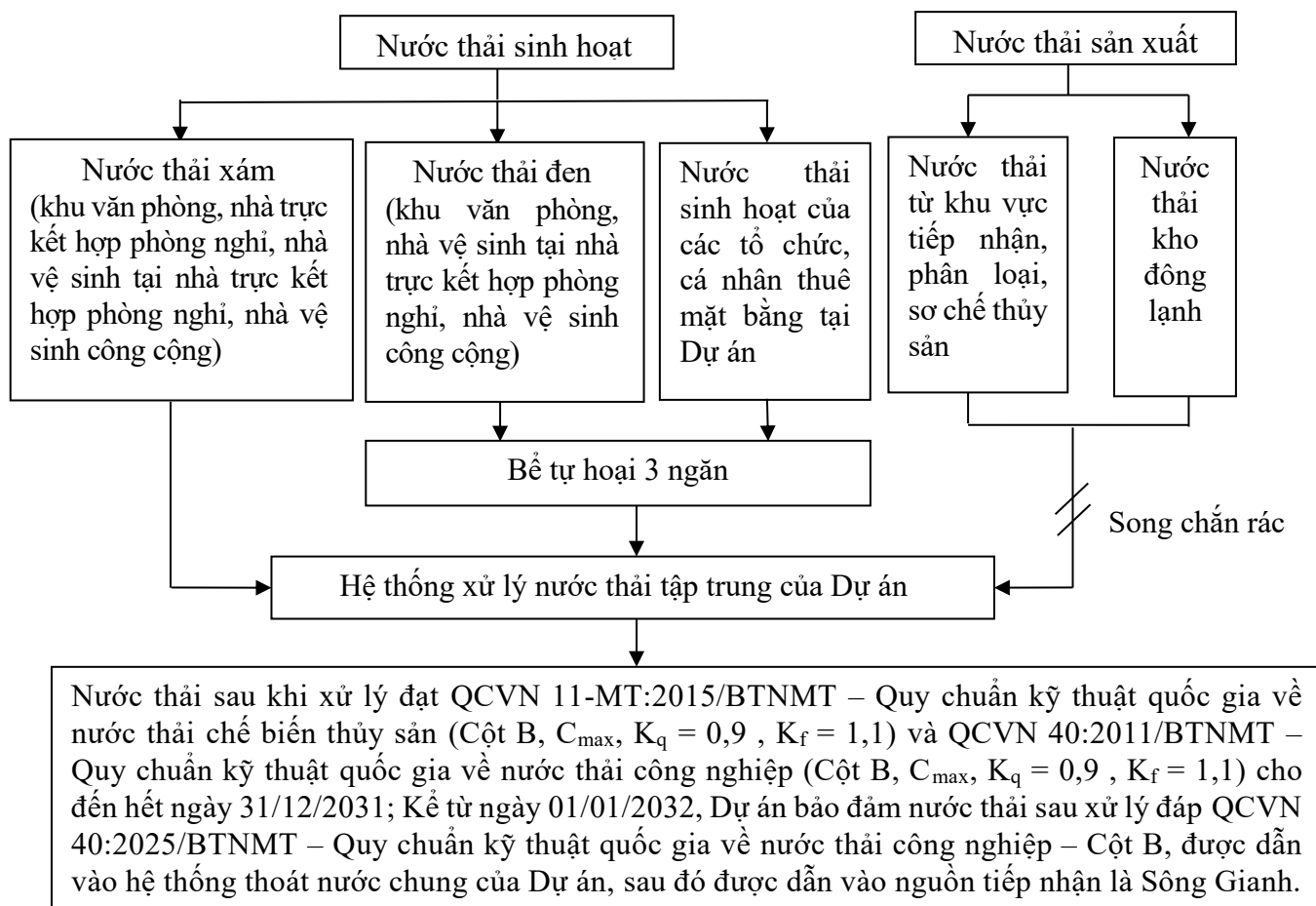
- Hướng thoát: Nước mưa sau khi được thu gom theo 06 tuyến và dẫn theo 02 hướng thoát nước chính được thoát ra sông Gianh qua 02 cửa xả (CX1 và CX2) bố trí tại khu vực phía Bắc Cảng.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Trong các nguồn tác động từ hoạt động của Cảng cá, nước thải là nguồn gây ô nhiễm môi trường đáng chú ý. Nước thải phát sinh tại Cảng cá chủ yếu gồm: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV làm việc tại Cảng; người lao động làm việc tại các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng và các thủy thủ lưu trú; nước thải sản xuất từ các hoạt động Cảng như khu vực tiếp nhận, phân loại, sơ chế thủy sản; kho đông lạnh.

Các nguồn nước thải trên được thu gom theo hệ thống thoát nước riêng của Cảng cá và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Quy trình thu gom và xử lý nước thải của Cảng cá được thể hiện tại sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Dự án

* Hệ thống thu gom nước thải khu vực Cảng cá Sông Gianh:

- Hệ thống ống cống BTCT D300 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng chiều dài 351,8m. Hệ thống được bố trí dưới vỉa hè lề phải tuyến R7, R8, R9, R10, R11; dọc trên tuyến bố trí 27 hố ga, kích thước (0,6×0,8)m. Cụ thể như sau:

- Tuyến số R7 (R7.1-R7.6-R10.4): Thu gom nước thải khu vực phía Đông Nam khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 4.

- Tuyến R8 (R8.1-R8.5): Thu gom nước thải khu vực phía Nam và Tây Nam Dự án, bao gồm các dãy nhà khu văn phòng điều hành; nhà thường trực kết hợp trạm cân; nhà trực kết hợp phòng nghỉ; khu dịch vụ hậu cần 3, 4; khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 3 và xưởng nước đá 2.

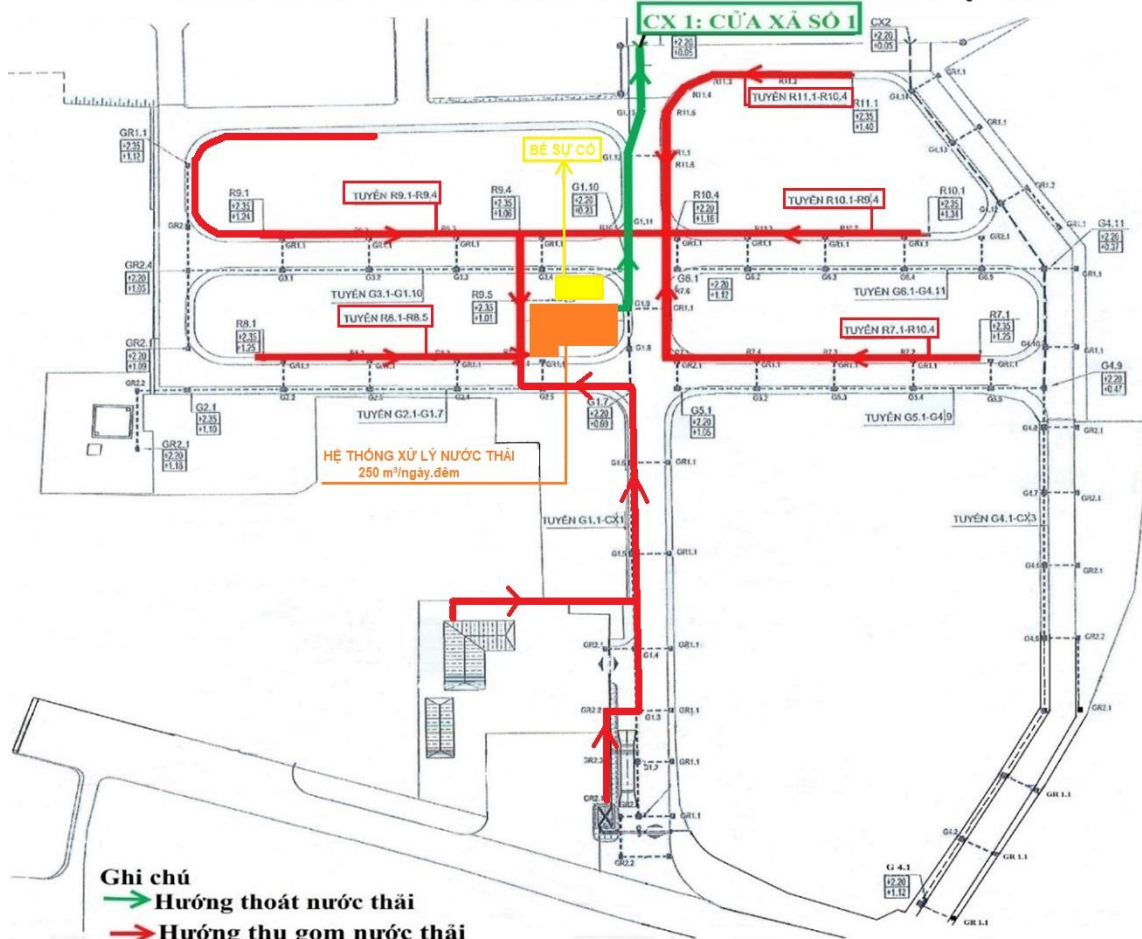
- Tuyến R9 (R9.1-R9.5-R8.5): Thu gom nước thải khu vực phía Tây Nam của khu tiếp nhận phân loại và sơ chế thủy sản 1, 2; nhà vệ sinh công cộng, khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung.

- Tuyến R10 (R10.1-R10.5-R9.4): Thu gom nước thải khu vực phía Tây Nam khu

dịch vụ hậu cần 1 và phía Đông Bắc khu tiếp nhận, phân loại sơ chế thủy sản 4.

- Tuyến R11 (R11.1-R11.6-R10.4): Thu gom nước thải phía Nam các khu vực gồm xưởng đá 1; khu dịch vụ hậu cần 1; khu tiếp nhận, phân loại sơ chế thủy sản 4.

PHƯƠNG ÁN THOÁT NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN



Hình 3.2. Phương án thu gom và thoát nước thải sau xử lý của Dự án

(Có bản vẽ đính kèm theo phụ lục)

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh từ khu vực văn phòng điều hành, nhà trực kết hợp phòng nghỉ, nhà vệ sinh công cộng của Cảng cá Sông Gianh của 400 người.

- Thành phần: Nước thải phát sinh chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng: Lượng nước thải phát sinh là khoảng 40 m³/ngày.đêm. Trong đó:

+ Nước thải xám (bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh tay chân, tắm và vệ sinh sản nhà, nước thải nhà bếp...) chiếm 80% tổng lượng nước thải sinh hoạt: 32 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải đen (bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh tầng 1 và tầng 2 của khu văn phòng điều hành, nhà vệ sinh nhà trực kết hợp nhà nghỉ và nhà vệ sinh công cộng) chiếm 20% tổng lượng nước thải sinh hoạt: 8 m³/ngày.đêm.

- Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải xám phát sinh từ hoạt động vệ sinh tay chân, tắm và vệ sinh sàn nhà tại khu văn phòng điều hành, nhà trực kết hợp phòng nghỉ và nhà vệ sinh công cộng được thu gom bằng đường ống PVC D76. Hiện nay, tuyến ống này chưa được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong thời gian tới, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sẽ lắp đặt tuyến ống đấu nối, dẫn nước thải xám về hệ thống thu gom và hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi xả ra môi trường.

+ Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh tầng 1, tầng 2 của khu văn phòng điều hành, nhà vệ sinh tại nhà trực kết hợp phòng nghỉ và nhà vệ sinh công cộng được thu gom bằng đường ống PVC D110, dẫn về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Có 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 15,6 m³; mỗi bể có kích thước $D \times R \times C = 3 \text{ m} \times 4 \text{ m} \times 1,3 \text{ m}$, được bố trí tại khu nhà điều hành, nhà trực kết hợp phòng nghỉ và nhà vệ sinh công cộng, phục vụ nhu cầu của cán bộ, công nhân viên và người sử dụng tại Cảng. Bể tự hoại gồm ngăn chứa cặn, ngăn lắng và ngăn lọc; nước thải được xử lý sơ bộ thông qua quá trình phân hủy chất hữu cơ bởi vi sinh vật kỵ khí.

Hiện nay, nước thải đen sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại chưa được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cảng để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong thời gian tới, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sẽ lắp đặt tuyến ống đấu nối nguồn nước thải này vào hệ thống thu gom chung, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt quy định trước khi xả ra môi trường.

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh tại các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại khu vực Dự án: Ban quản lý cảng cá và Đăng kiểm tàu cá yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng khi ký hợp đồng để sản xuất, kinh doanh tại Cảng phải tiến hành xây dựng công trình xử lý bể tự hoại để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải phát sinh trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Dự án.

* Đối với nước thải sản xuất:

- Nguồn gốc: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của Cảng cá Sông Gianh bao gồm: Nước thải phát sinh tại khu vực tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản; kho đông lạnh của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng cá.

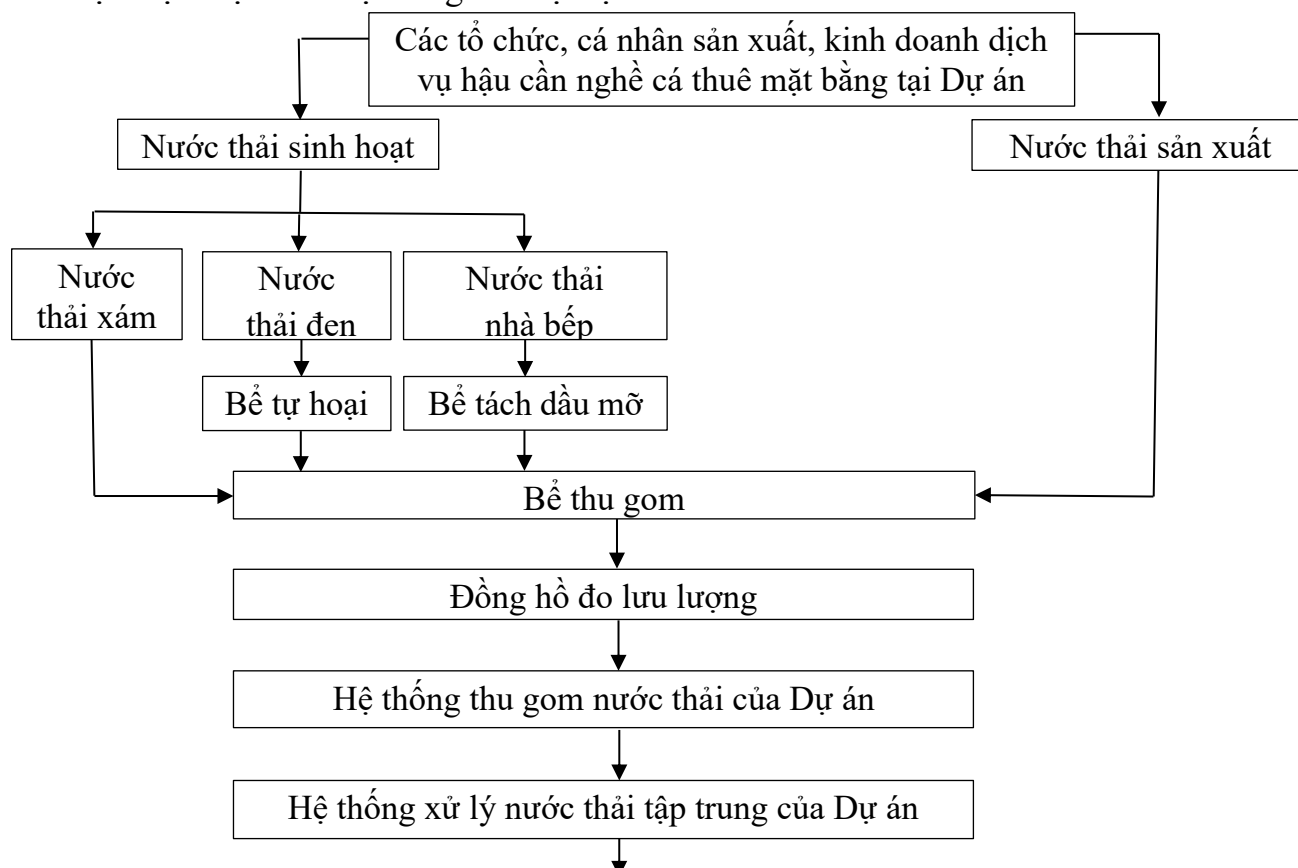
- Thành phần: Nước thải phát sinh chủ yếu chứa các chất hữu cơ (BOD₅, COD), dầu mỡ động thực vật, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật...

- Tải lượng: Lượng nước thải phát sinh là khoảng 168 m³/ngày.đêm.

- Thu gom, thoát nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải của Cảng cá và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cảng cá Sông Gianh để xử lý.

*** Hệ thống đầu nối thoát nước thải đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng trong khu vực Cảng cá Sông Gianh:**

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng trong khu vực Cảng khi hợp đồng vào buôn bán, sản xuất tại Cảng phải xây dựng các công trình thu gom nước thải và thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cảng cá. Các công trình đầu nối gồm đường ống thu gom, bể thu gom, đồng hồ đo lưu lượng, đường ống thu gom HDPE D100 đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải đã đầu tư xây dựng nhằm thu gom nước thải phát sinh và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án trước khi thải ra môi trường. Quy trình đầu nối được thực hiện theo nội dung thể hiện tại sơ đồ như sau:



Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) cho đến hết ngày 31/12/2031; Kể từ ngày 01/01/2032, Dự án bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – Cột B, sau đó được dẫn vào nguồn tiếp nhận là nước mặt Sông Gianh.

Sơ đồ 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải từ các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tại Dự án

Sau khi được chấp thuận đầu nối của Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá yêu cầu các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Dự án cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải sản xuất độc lập và đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung tại Cảng cá Sông Gianh.
- Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để thu gom và xử lý sơ bộ nước thải đen từ nhà vệ sinh; xây dựng bể tách dầu mỡ để thu gom và xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp. Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn về bể thu gom nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Cảng cá Sông Gianh.
- Bố trí, xây dựng bể thu gom để lưu trữ nước thải phát sinh nhằm bảo đảm ổn định cho hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung tại Cảng cá Sông Gianh.
- Cam kết thi công hệ thống thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cảng cá Sông Gianh tại vị trí đã được Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá chấp thuận.
- Cam kết lắp thiết bị đo lưu lượng nước thải để quản lý khối lượng đúng quy định.
- Trước khi triển khai thi công hệ thống thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cảng cá; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Dự án phải báo cáo đến Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá biết để tiến hành giám sát quá trình thực hiện đầu nối.
- Cam kết quản lý toàn bộ nước thải trong quá trình hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Dự án, chịu trách nhiệm trước các cơ quan có thẩm quyền và pháp luật nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.
- Tiến hành ký kết hợp đồng xử lý nước thải với Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định.

1.2.2. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn được dẫn theo đường ống PVC D160 vào thiết bị đo lưu lượng nước thải. Sau khi qua thiết bị đo lưu lượng, nước thải được dẫn theo ống PVC D90, dài khoảng 3,5 m vào hố ga thuộc hệ thống thoát nước chung của Dự án. Hố ga có thể tích 1,8m³, kích thước D x R x C= 0,8m x 1m x 2,55m, giáp phía Đông Nam hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải từ hố ga theo ống BTCT D300 dài khoảng 50m để xả tự chảy vào nguồn tiếp nhận là nước mặt Sông Gianh thuộc thôn Xuân Hải, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được xả vào nguồn tiếp nhận là Sông Gianh, tại khu vực phía Bắc Dự án, thuộc thôn Xuân Hải, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị. Nước thải được xả tại 1 điểm xả duy nhất. Vị trí điểm xả thải theo hệ VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến 106° như sau: $+X(m) = 1.957.949$ $+Y(m) = 550.900$

Sông Gianh bắt nguồn từ Phu Cô Pi có tọa độ 17°49'20" vĩ độ Bắc và 105°41'30" độ kinh Đông với độ cao 1.350m. Đây là hệ thống sông lớn nhất tỉnh Quảng Trị. Được hình thành từ hợp lưu của 3 con sông vào loại trung bình của tỉnh: sông Rào Nậy, sông Rào Nan và sông Son (còn gọi là sông Troóc).

Sông có chiều dài 158 km, chiều rộng bình quân lưu vực 38,8 km, chiều dài lưu vực 121 km, lưu vực sông rộng 4.680 km². Mật độ sông suối trong lưu vực là 1,04 km/km². Sông có 16 phụ lưu cấp 1, 20 phụ lưu cấp 2 và 10 phụ lưu cấp 3. Lòng sông không đồng đều, thượng nguồn hẹp, càng về xuôi càng rộng. Phần thượng nguồn do dòng sông có nhiều đoạn uốn khúc nên có bờ lồi, bờ lở, phần hạ lưu có những cồn nổi ở giữa dòng sông (Cồn Vượn, Cồn Sẻ...). Thủy chế của dòng sông thất thường, nhất là thượng nguồn. Mùa nước cạn vào khoảng tháng XII đến tháng VIII, mùa nước lớn vào các tháng IX, X, XI, đây cũng là mùa lũ lụt.

Tại khu vực Cảng cá Sông Gianh, sông Gianh là nguồn nước mặt phục vụ giao thông thủy, neo đậu tàu thuyền, khai thác thủy sản và các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá. Đoạn sông tiếp giáp Cảng cá Sông Gianh là khu vực hạ lưu, tập trung hoạt động tàu thuyền, tiếp nhận và bốc dỡ thủy sản; đồng thời có sự trao đổi nước với khu vực cửa sông.

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cảng cá Sông Gianh được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Dự án, sau đó dẫn theo tuyến thoát nước đến cửa xả trên sông Gianh. Khu vực xả thải không có hoạt động khai thác nước mặt trực tiếp phục vụ cấp nước sinh hoạt. Nguồn nước tại đây chủ yếu được sử dụng cho giao thông thủy, neo đậu tàu thuyền và phục vụ các hoạt động khai thác, dịch vụ nghề cá.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Mô tả công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối

- Đơn vị nhà thầu khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn khảo sát – thiết kế Hoành Sơn và Công ty Cổ phần TVTK Xây dựng giao thông thủy.

- Đơn vị nhà thầu tư vấn giám sát thi công: Liên danh Công ty TNHH Xây dựng và TMTH Mai Nguyên và Công ty TNHH TVXD Khang Phú.

- Đơn vị nhà thầu xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Trường Xuân và Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình thủy Hà Nội.

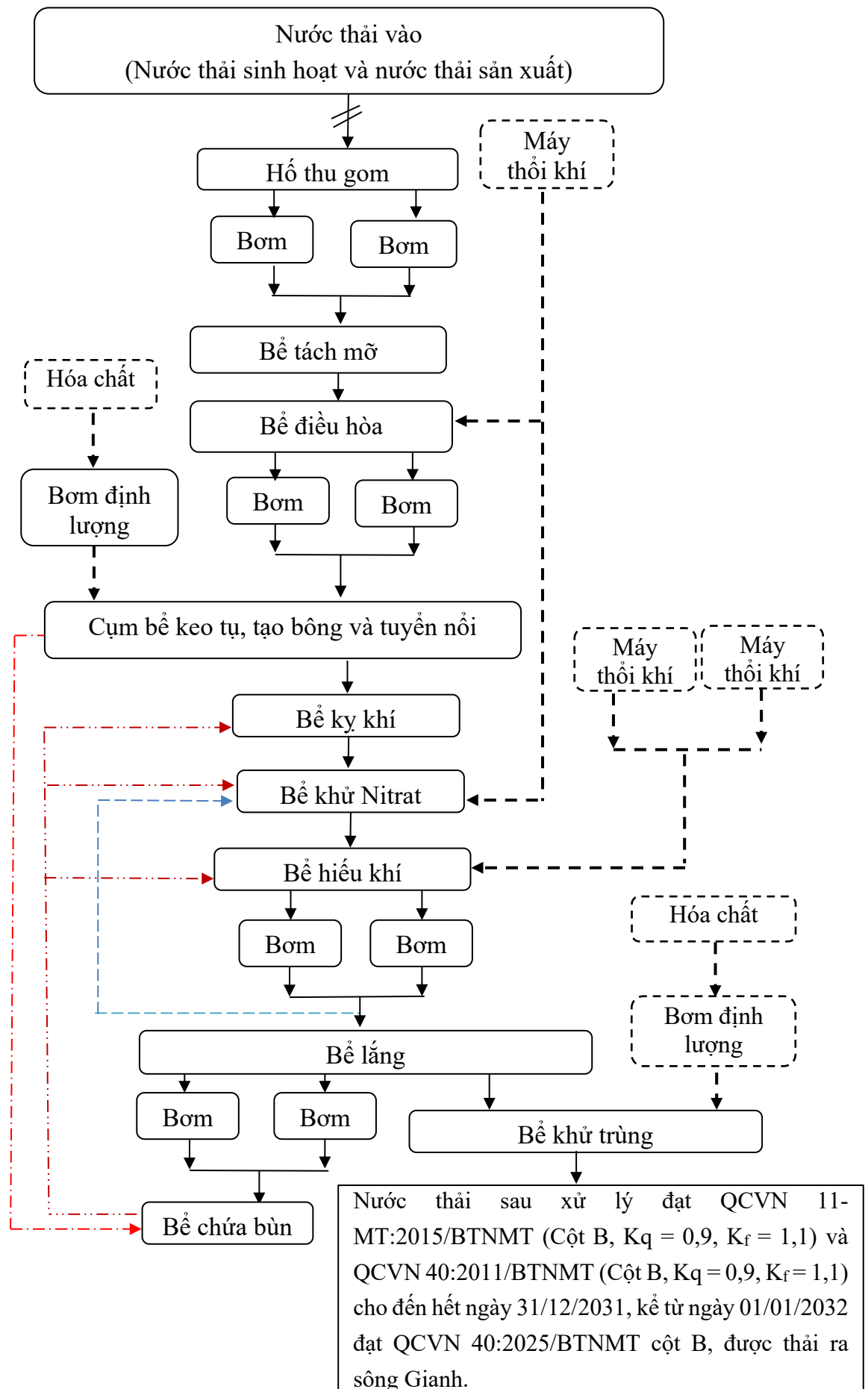
- Biện pháp xử lý nước thải phát sinh tại khu vực Cảng cá Sông Gianh:

Tổng lượng nước thải phát sinh tại Cảng cá là $208 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Để xác định lưu lượng nước thải lớn nhất phục vụ tính toán, đối với nước thải công nghiệp và nước thải chế biến thủy sản có lưu lượng tương đối ổn định, áp dụng hệ số không điều hòa ngày $K_{\text{ngày}} = 1,2$ (*Tiến sĩ Nguyễn Trung Việt, Tiến sĩ Trần Thị Mỹ Diệu, Giáo trình xử lý nước thải*). Khi đó, lưu lượng nước thải tối đa trong ngày được xác định: $Q_{\text{max}} = 208 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \times 1,2 = 249,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, làm tròn $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Do đó, hệ thống xử lý nước thải tập trung được xác định với công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, bảo đảm khả năng tiếp nhận và xử lý lượng nước thải phát sinh trong điều kiện Cảng cá hoạt động với quy mô tối đa.

Hệ thống xử lý nước thải: Theo hồ sơ thiết kế và bản vẽ trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và hiện đang được vận hành, sử dụng với công suất thiết kế $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Hệ thống áp dụng công nghệ AAO kết hợp MBBR, phù hợp để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các hoạt động phân loại, sơ chế thủy sản, kho đông lạnh tại Cảng cá.

Nước thải từ các hoạt động trên có chứa các chất ô nhiễm chủ yếu như chất hữu cơ (BOD_5 , COD), chất rắn lơ lửng, dầu mỡ động thực vật và vi sinh vật. Nếu không được thu gom và xử lý, các thành phần này có thể gây mùi hôi, ảnh hưởng đến môi trường và làm suy giảm chất lượng nguồn nước mặt. Do đó, nước thải phát sinh từ hoạt động của Cảng cá được thu gom và xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Quy trình xử lý: Nước thải sau khi được thu gom được đưa vào hệ thống xử lý nước thải công suất $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, xử lý qua các công đoạn theo công nghệ AAO kết hợp MBBR. Sau xử lý, nước thải được dẫn theo tuyến thoát nước và xả ra sông Gianh. Quy trình công nghệ được thể hiện như sau:



Sơ đồ 3.4. Hệ thống xử lý nước thải của Cảng cá Sông Gianh

Thuyết minh quy trình công nghệ:

+ Bể thu gom:

Nước thải từ quá trình chế biến thủy sản của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tại Dự án và nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên hàng ngày được dẫn về bể thu gom. Bể thu gom có nhiệm vụ tiếp nhận, trung chuyển. Nước thải từ bể thu gom được bơm qua song chắn rác nhằm tách rác có kích thước lớn ra khỏi nước thải để bảo vệ hệ thống thiết bị trong trạm xử lý, phần nước trong sau tách rác được dẫn về bể điều hòa.

+ Bể tách dầu mỡ:

Do đặc thù của nước thải sơ chế thủy sản, và dòng nước thải nhà bếp phát sinh nước thải nhiễm dầu mỡ nên phải tiến hành tách dầu mỡ sơ bộ đối với dòng nước thải này trước khi đi vào hệ thống xử lý phía sau. Bể tách dầu mỡ sử dụng nguyên lý tách nhờ trọng lực, do tỷ trọng của dầu mỡ nhẹ hơn nước nên dầu mỡ sẽ nổi lên trên bề mặt và được giữ lại tại bể và vớt định kỳ (khoảng 2 tuần một lần). Phần nước trong sau khi qua bể tách mỡ thì được dẫn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý các khâu phía sau.

+ Bể điều hòa:

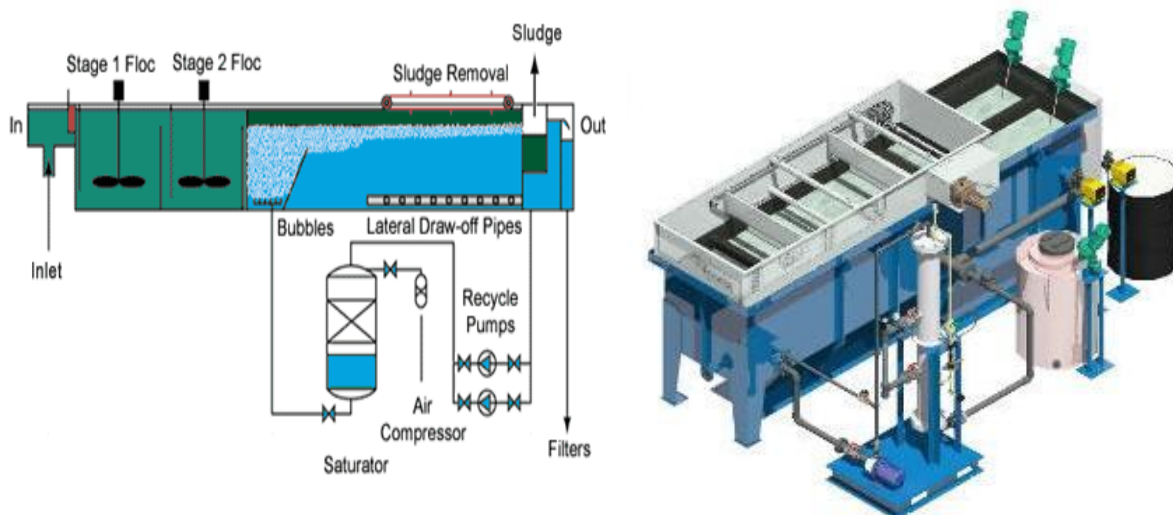
Tại đây nước thải được điều hòa và ổn định cả về lưu lượng và chất lượng. Việc lắp đặt hệ thống phân phối khí thô dưới đáy bể điều hòa không những có tác dụng khuấy trộn đều các dòng nước thải làm ổn định chất lượng nước thải trong bể mà còn làm giảm mùi của nước thải cho các đơn vị xử lý phía sau. Nước sau bể điều hòa được đưa tới hệ thống bể tuyển nổi (DAF) thông qua hệ thống 02 bơm hoạt động tự động luân phiên nhau theo cài đặt timer trong tủ điện.

+ Cụm bể keo tụ, tạo bông và tuyển nổi:

Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên cụm thiết bị keo tụ, tạo bông và tuyển nổi. Thiết bị/ bể DAF nhằm loại bỏ hoàn toàn dầu mỡ, cặn và phần lớn các chất lơ lửng có trong nước thải. Đầu tiên nước thải được đi qua ngăn keo tụ: tại đây nước thải được trộn với hóa chất keo tụ như PAC/hoặc phèn nhôm/sắt nhằm tạo mầm keo. Tiếp theo hỗn hợp nước – keo được đi qua ngăn tạo bông: tại đây hóa chất PAA được cấp vào nhằm tạo bông (hình thành do sự gắn kết các hạt keo) để thuận lợi cho quá trình tuyển nổi phía sau. Hỗn hợp nước - bông bùn đi qua ngăn sục cấp khí (đây là dạng đơn giản nhất) trộn với hỗn hợp khí nước bão hòa (nước sau xử lý được bơm đồng thời với khí nén vào bình tích áp). Sau khi đi qua ngăn này dầu mỡ và bông bùn được tuyển nổi lên bề mặt phần lớn và được thu gom bằng hệ thống gạt cơ khí bánh xích, một phần bùn lắng ở đáy. Nước trong sau xử lý được thu ở giữa bể có hàm

lượng dầu ~ 10 – 30 mg/l.

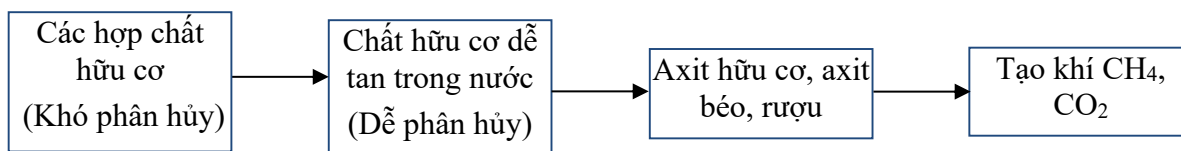
Quá trình gồm hai giai đoạn khác nhau: (i) giai đoạn chặm hóa chất, gồm phá hủy nhũ tương và tạo ra sự dính kết hạt rắn (keo tụ - tạo bông) bằng việc chặm hóa chất; (ii) giai đoạn lý học, phân tách các bông từ trong pha rắn sử dụng hạt khí từ thiết bị cấp khí dạng mịn hoặc khí hoặc hỗn hợp khí nước bão hòa.



Hình 3.3. Mô hình thiết bị DAF sử dụng xử lý nước thải thủy sản

+ Bể kỵ khí:

Nước sau cụm bể keo tụ, tạo bông và tuyển nổi được tự chảy sang bể kỵ khí. Tại đây các quá trình phân hủy kỵ khí diễn ra qua 03 giai đoạn:



Giai đoạn 1 (Giai đoạn thủy phân): Các vi sinh vật kỵ khí cắt mạch các hợp chất khó phân hủy (cao phân tử) như protein, chất béo, hydrat cacbon thành các sản phẩm dễ phân hủy (các chất hữu cơ có phân tử lượng thấp).

Giai đoạn 2 (Giai đoạn axit hóa): Chuyển hóa sản phẩm trung gian thành các axit hữu cơ bậc thấp, cùng các chất hữu cơ khác như axit hữu cơ, axit béo, rượu, các axit amin, glycerin, axeton, H_2S , CO_2 , H_2 .

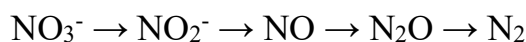
Giai đoạn 3 (Giai đoạn metan hóa): Trong giai đoạn này, các vi sinh vật sinh metan hoạt động mạnh và chuyển hóa các sản phẩm của giai đoạn axit hóa thành CH_4 và CO_2 .

Nước thải qua các giai đoạn xử lý kỵ khí được dẫn tự chảy về bể khử nitrat.

+ Bể thiếu khí (khử Nitrat):

Bể khử Nitrat (hay còn gọi là bể thiếu khí) sử dụng kỹ thuật bùn hoạt tính phân tán kết hợp với vật liệu mang vi sinh cố định. Tại đây có bố trí hệ thống sục khí thô

nhằm tăng cường khả năng hòa trộn nước thải dòng vào với dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí đi vào bể khử nitrat thông qua 02 bơm tuần hoàn trong bể hiếu khí. Sự chuyển hóa Nitơ trải qua các bước sau:



Quá trình xử lý đồng thời COD và Nitơ tổng diễn ra, tức thực hiện quá trình chuyển hóa NO_3^- (nguồn tuần hoàn từ bể hiếu khí về) thành N_2 thông qua hoạt động của vi sinh trong bể khi có mặt của BOD_5 .

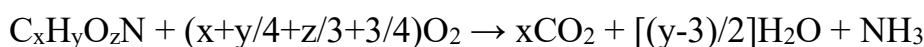
Nước thải cuối đầu ra của ngăn khử nitrat được tự chảy tràn sang bể hiếu khí.

+ Bể hiếu khí (MBBR):

Bể hiếu khí sử dụng kỹ thuật vật liệu mang vi sinh cố định (công nghệ AAO) kết hợp với vật liệu mang vi sinh di động (Công nghệ MBBR). Tại đây phần lớn lượng BOD được oxy hóa thành sản phẩm H_2O , CO_2 ; amoni (NH_4^+) được oxy hóa thành nitrat (NO_3^-) nhờ quá trình lên men hiếu khí của bùn hoạt tính với điều kiện oxy hòa tan.

- Quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ gồm 03 giai đoạn:

• Giai đoạn 1 (Oxy hóa các chất hữu cơ): Oxy hóa toàn bộ các hợp chất hữu cơ có trong nước thải để đáp ứng nhu cầu năng lượng của tế bào



• Giai đoạn 2 (Quá trình đồng hóa): Tổng hợp để xây dựng tế bào



• Giai đoạn 3 (Quá trình dị hóa): Tự oxy hóa chất liệu tế bào (tự phân hủy)

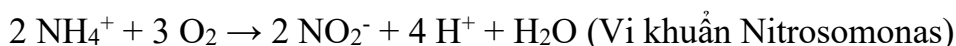
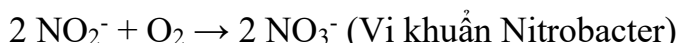


ΔH là năng lượng được sinh ra hay hấp thu vào. Các chỉ số x,y,z tùy thuộc vào dạng chất hữu cơ chứa cacbon bị oxy hóa.

- Quá trình nitrat hóa:

Sơ đồ quá trình chuyển hóa Nitơ trong nước thải khi xử lý sinh học:

Quá trình nitrat hóa là quá trình chuyển hóa Nitơ từ dạng NH_4^+ , Nitơ có trong hợp chất hữu cơ về dạng NO_3^- theo các bước: $\text{NH}_4^+ \rightarrow \text{NO}_2^- \rightarrow \text{NO}_3^-$ được thể hiện qua các phản ứng sau:



Tổng phản ứng oxy hóa amoni:



Để quá trình xử lý hiếu khí diễn ra tối ưu cần chỉ số $\text{DO} \geq 2\text{mg/l}$ cho quá trình oxy hóa. Oxi được cấp thông qua hệ thống phân phối khí tinh bằng hệ thống 02 máy

thời khí chạy luân phiên nhau. Xúc tiến quá trình hòa tan oxy vào nước thải nhờ các đĩa phối khí tinh được lắp đặt dưới đáy bể. Nước và bùn vi sinh sau khi qua bể hiếu khí tự chảy sang bể lắng.

+ Bể lắng:

Tại đây xảy ra quá trình tách loại bùn vi sinh trong nước bằng phương pháp bể lắng đứng (lắng trọng lực). Toàn bộ bùn vi sinh có tỷ trọng lớn hơn nước được lắng ở đáy bể, nước trong tự chảy sang bể khử trùng.

Bùn lắng được đưa về bể chứa bùn, thông qua 02 máy bơm hoạt động luân phiên nhau theo chỉ thị của hệ thống điều khiển tự động. Một phần bùn dư được tuần hoàn về bể kỵ khí, bể khử nitrat và bể hiếu khí để hiệu chỉnh chế độ công nghệ và hoạt động của vi sinh nhằm bảo đảm cho chất lượng nước thải đầu ra.

+ Bể khử trùng:

Nước trong từ bể lắng tự chảy về bể khử trùng. Tại đây, nước sẽ được trộn với hóa chất khử trùng dạng dung dịch Javen (NaClO) nhằm ức chế vi sinh gây bệnh trong nước. Nước trong sau khi khử trùng được xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) cho đến hết ngày 31/12/2031; Kể từ ngày 01/01/2032 nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) xả vào nước mặt sông Gianh.

+ Bể chứa bùn:

Bùn dư từ bể lắng được bơm đưa về bể chứa bùn nhờ 2 bơm bùn chạy luân phiên nhau theo cài đặt timer. Bùn được định kỳ hút, khoảng 02 - 03 năm/lần, và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Bảng 3.1. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án

TT	HẠNG MỤC	CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	THỜI GIAN LƯU
1	Bể thu gom	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: $5\text{m} \times 3\text{m} \times 3,3\text{m} = 49,5 \text{ m}^3$	VN	Cái	1	4,75 giờ
2	Bể tách dầu mỡ	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: $5\text{m} \times 1\text{m} \times 4,5\text{m} = 22,5 \text{ m}^3$	VN	Cái	1	2,16 giờ

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

3	Bể điều hòa	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: 6,6m x 5m x 4,5m = 148,5 m ³	VN	Cái	1	14,26 giờ
4	Cụm bể keo tụ, tạo bông và tuyển nổi	Vật liệu: Thép SS400/CT3 Kích thước (DxRxC)m: 6m x 2m x 2,3m = 27,6 m ³	VN	Cái	1	2,65 giờ
5	Bể kỵ khí	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: 10,2m x 6,6m x 4,5m = 302,94 m ³	VN	Cái	1	29,08 giờ
6	Bể khử Nitrat	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: 6m x 3,3m x 4,5m = 89,1 m ³	VN	Cái	1	8,55 giờ
7	Bể hiếu khí 1, 2	Vật liệu: BTCT Bể hiếu khí 1: Kích thước (DxRxC)m: 4m x 3,3m x 4,5m = 59,4 m ³ Bể hiếu khí 2: Kích thước (DxRxC)m: 4m x 4m x 4,5m = 72 m ³	VN	Cái	2	12,61 giờ
8	Bể lắng	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: 4m x 4m x 4,5m = 72 m ³	VN	Cái	1	6,91 giờ
9	Bể khử trùng	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: 4m x 1m x 4,5m = 18 m ³	VN	Cái	1	1,73 giờ
10	Bể chứa bùn	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRxC)m: 6m x 2,2m x 4,5m = 59,4 m ³	VN	Cái	1	5,7 giờ

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

11	Nhà vận hành	Vật liệu: Bê tông và gạch Kích thước (DxRx C)m: 5,2m x 3,2m x 3,5m = 58,24 m ³	VN	Nhà	1	-
12	Bể sự cố	Vật liệu: BTCT Kích thước (DxRx C)m: 7m x 4m x 4m = 112 m ³	VN	Bể	1	10,75 giờ

Cảng cá Sông Gianh tận dụng bể xử lý nước thải cũ để làm bể sự cố. Bể có kết cấu bê tông cốt thép, có nắp đậy, kích thước $D \times R \times C = 7 \text{ m} \times 4 \text{ m} \times 4 \text{ m}$, thể tích khoảng 112 m³. Bể được sử dụng để lưu chứa tạm thời nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải chung gặp sự cố.

Sự cố có thể xảy ra tại các công đoạn như cụm bể keo tụ, tạo bông, tuyển nổi, bể kỵ khí hoặc bể hiếu khí. Khi phát hiện sự cố, thực hiện khóa van nước thải vào hệ thống xử lý và mở van dẫn nước thải vào bể sự cố để lưu chứa tạm thời. Đồng thời, Cảng cá tạm dừng các hoạt động phát sinh nước thải, tiến hành kiểm tra, xác định nguyên nhân và khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố.

Dung tích bể sự cố 112 m³ được sử dụng để lưu chứa nước thải trong thời gian khắc phục sự cố. Do trong thời gian xảy ra sự cố, các hoạt động phát sinh nước thải được tạm dừng nên lượng nước thải đưa vào bể sự cố được hạn chế, qua đó bảo đảm khả năng lưu chứa của bể trong thời gian xử lý sự cố. Sau khi hệ thống xử lý nước thải được khắc phục và vận hành ổn định, nước thải lưu trong bể sự cố được bơm trở lại hệ thống để tiếp tục xử lý trước khi xả thải. Cảng cá chỉ hoạt động trở lại bình thường sau khi hệ thống xử lý nước thải được khôi phục và vận hành ổn định.

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hố thu gom			
1	Hệ thống song chắn rác thô cùng phụ kiện đi kèm	- Vật liệu: FRP/INOX; kích thước lọc cấp 1: 20mm; - Xuất xứ: Việt Nam.	Bộ	1
2	Bơm chìm vận chuyển từ hố thu lên máu tách rác tinh	- Công suất: N = 2,2 KW, Q= 0,8 m ³ /min; H = 8,4 mH20; - Điện áp : 380V/3 PHASE/50Hz; - Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	2
3	Bộ khớp nối thanh	- Bao gồm: Khớp nối thanh, thanh dẫn hướng, xích kéo, mặt bích, bulong và phụ kiện.	Cái	2
4	Phao mực nước	- Vật liệu: Nhựa; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	3
5	Máy tách rác tinh cùng phụ kiện đi kèm	- Vật liệu: SUS304; - Kích thước lọc cấp 2: 2-3mm; - Kiểu: Tự động, trống quay; - Công suất: N = 0,75 KW; 3 PHASE; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
II	Bể điều hòa			
1	Bơm chìm bể điều hòa	- Công suất: N = 1,5 KW; Q = 0,4 m ³ /min; H = 10,6 mH20; - Điện áp : 380V/3 PHASE/50Hz; Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

2	Bộ khớp nối thanh	- Bao gồm: Khớp nối thanh, thanh dẫn hướng, xích kéo, mặt bích, bulong và phụ kiện.	Cái	2
3	Phao mực nước	- Vật liệu: Nhựa; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	3
4	Thiết bị đo lưu lượng	- Vật liệu: FRP/Inox; - Lưu lượng đo trung bình: 15 m ³ /h; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
5	Máy thổi khí	- Công suất: Q= 1,41 m ³ /phút, H 5mH ₂ O; - Động cơ: N = 2,2 kW (úc); - Điện áp: 3 phase; - Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	1
6	Hệ thống phân phối khí thô	- Vật liệu: uPVC/Đĩa khí; - Xuất xứ: Việt Nam.	Hệ	1
III	Cụm bể keo tụ, tạo bông và tuyển nổi			
1	Vỏ bể keo tụ, tạo bông và tuyển nổi	- Kích thước: L x W x H = 6.000 x 2.000 x 2.300m; - Độ dày: 5mm; - Vật liệu: SS400/CT3, sơn 1 lớp sơn chống gỉ và 02 lớp sơn tổng hợp màu ghi; - Bao gồm: Hệ thống motor hộp giảm tốc và hệ thống gạt cặn, bộ chuyển đổi và bảo hòa không khí; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
2	Máy nén khí	- Công suất: P = 8 Bar; Q = 390L/min; - Động cơ: N = 2,2 KW;	Cái	1

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

		- Điện áp: 3 PHASE; Xuất xứ: Đài Loan.		
3	Bơm tuần hoàn trộn khí	- Công suất: Q = 1,2 4,8 m ³ /h; H= 80,5 – 27,3 mH2O; - Động cơ: N = 1,1 KW; - Điện áp: 3 PHASE; - Xuất xứ: Italia.		2
4	Máy khuấy cặn trong trong thiết bị tuyển nổi DAF	Tốc độ: R = 69 vòng/phút; Động cơ: N = 0,4 KW; Điện áp: 380V/3 PHASE/50Hz; Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	2
5	Bồn chứa hóa chất	- Vật liệu: PE; - Thể tích: 1000 lít; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	2
6	Máy khuấy cặn trong bồn chứa hóa chất	- Tốc độ R = 69 vòng/phút; N = 0,4 KW; - Điện áp: 380V/3 PHASE/50Hz; - Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	3
7	Phao mực nước	- Vật liệu: Nhựa. - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
8	Bơm định lượng	- Công suất: N = 0,25 KW; Q _{max} = 50 L/h; H = 10Bar; - Điện áp: 380V/3 PHASE/50Hz; Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	4
IV	Bể khử Nitrat			
1	Vật liệu mang vi sinh	- Kích thước: L x W x H = 1.000 x 500 x 500 mm;	m ³	20

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

		- Vật liệu: PVC; - Xuất xứ: Việt Nam.		
2	Khung giá đỡ vật liệu mang vi sinh	- Vật liệu: INOX 304; - Xuất xứ: Việt Nam.	Hệ	1
3	Hệ thống phân phối khí thô	- Vật liệu: u PVC; - Xuất xứ: Việt Nam.	Hệ	1
V	BỂ HIẾU KHÍ			
1	Máy thổi khí	- Công suất: Q = 5,43 m ³ /phút; H = 5mH20; - Động cơ: N = 2,2 KW; - Điện áp: 3 PHASE; - Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	2
2	Hệ thống phân phối khí tinh	- Dạng đĩa phân phối khí tinh; - Lưu lượng trung bình: 0,1 m ³ /phút; - Xuất xứ: Đức.	Hệ	1
3	Vật liệu mang vi sinh di động	- Kích thước: D x H= 25 x 15 mm; - Vật liệu: PVC/PP/HDPE; - Xuất xứ: Việt Nam.	m ³	11
4	Vật liệu mang vi sinh cố định	- Kích thước: L x W x H = 1.000 x 500 x 500 mm; - Vật liệu: PVC; - Xuất xứ: Việt Nam.	m ³	20
5	Khung giá đỡ vật liệu mang vi sinh	- Vật liệu: INOX 304; - Xuất xứ: Việt Nam.	Hệ	1
6	Bơm chìm bể hiếu khí	- Công suất: N = 0,75 KW; Q = 0,2 m ³ /min;	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

		H = 8,4 mH2O; - Điện áp: 380V/3 PHASE/50Hz; - Xuất xứ: Nhật Bản.		
7	Thiết bị đo lưu lượng	- Vật liệu: FRP/Inox; - Lưu lượng đo trung bình: 15m³/h; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
VI	BỂ LẮNG			
1	Bơm chìm trong bể lắng	- Công suất: N = 0,75 KW; Q = 0,2 m³/min; H = 8,4 mH2O; - Điện áp: 380V/3 PHASE/50Hz; Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	2
2	Bộ khớp nối thanh	- Bao gồm: Khớp nối thanh, thanh dẫn hướng, xích kéo, mặt bích, bulong và phụ kiện.	Cái	2
3	Hệ thống máng chắn bùn	- Vật liệu: FRP/INOX; - Xuất xứ: Việt Nam.	Hệ	1
4	Thiết bị đo lưu lượng	- Vật liệu: FRP/Inox; - Lưu lượng đo trung bình: 15m³/h; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
VII	BỂ KHỬ TRÙNG			
1	Bồn chứa hóa chất khử trùng	- Vật liệu: PE; - Thể tích: V = 1000 lít; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
2	Bồn chứa hóa chất PAA và PAC	- Vật liệu: PE; - Thể tích: V = 1000 lít;	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

		- Xuất xứ: Việt Nam.		
3	Máy khuấy cặn trong bồn chứa hóa chất	- Tốc độ R = 69 vòng/phút; N = 0,4 KW; - Điện áp: 380V/3 PHASE/50Hz; - Xuất xứ: Nhật Bản.	Cái	1
4	Máy bơm định lượng	- Công suất: Qmax = 50 lít/h; Hmax= 10Bar; N = 0,25kW; - Điện áp: 380V/3P/50Hz; - Xuất xứ: Itali.	Cái	2
5	Phao mức nước	- Vật liệu: Nhựa; - Xuất xứ: Việt Nam.	Cái	1
6	Đồng hồ đo lưu lượng	- Công suất đo trung bình: 15m ³ /Hr; - Xuất xứ: Trung Quốc.	Cái	1
7	Hệ thống đường ống và phụ kiện đi kèm	- Vật liệu: Ống inox 304, u.PVC cùng phụ kiện đi kèm - Xuất xứ: Việt Nam.	Hệ	1
VIII	Tủ điện	AxBxH = 1800 x 1400 x 350 mm	Bộ	1
1	Vỏ tủ điện	Kích thước: 1800 × 1400 × 350 mm; xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
2	Aptomat tổng	Xuất xứ: Hàn Quốc; 100A	Cái	1
3	Aptomat mạch điều khiển	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	1
4	Aptomat bơm hố thu	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	2
5	Aptomat máy tách rác tinh	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	1
6	Aptomat bơm bể điều hòa	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	2
7	Aptomat bơm bể hiếu khí	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	2
8	Aptomat bơm bể lắng	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	2
9	Aptomat máy khuấy cặn bể DAF	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

10	Aptomat mô tơ quay bể DAF	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	1
11	Aptomat máy nén khí	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	1
12	Aptomat bơm định lượng	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	6
13	Aptomat bơm trộn khí	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	1
14	Aptomat máy khuấy bồn hóa chất	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	3
15	Aptomat máy thổi khí A1	Xuất xứ: Hàn Quốc; 10A	Cái	1
16	Aptomat máy thổi khí A2, A3	Xuất xứ: Hàn Quốc; 30A	Cái	2
17	Rơ le nhiệt bơm hồ thu	Xuất xứ: Hàn Quốc; 4–8A	Cái	2
18	Rơ le nhiệt máy tách rác tinh	Xuất xứ: Hàn Quốc; 2–3A	Cái	1
19	Rơ le nhiệt bơm bể điều hòa	Xuất xứ: Hàn Quốc; 3–5A	Cái	2
20	Rơ le nhiệt bơm bể hiếu khí	Xuất xứ: Hàn Quốc; 2–3A	Cái	2
21	Rơ le nhiệt bơm bể lắng	Xuất xứ: Hàn Quốc; 2–3A	Cái	2
22	Rơ le nhiệt máy khuấy cặn bể DAF	Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	2
23	Rơ le nhiệt mô tơ quay bể DAF	Xuất xứ: Hàn Quốc; 1,1–1,6A	Cái	1
24	Rơ le nhiệt máy nén khí	Xuất xứ: Hàn Quốc; 4–6A	Cái	1
25	Rơ le nhiệt bơm trộn khí	Xuất xứ: Hàn Quốc; 2–3A	Cái	1
26	Rơ le nhiệt bơm định lượng	Xuất xứ: Hàn Quốc; 0,6–1,0A	Cái	6
27	Rơ le nhiệt máy khuấy bồn hóa chất	Xuất xứ: Hàn Quốc; 1,1–1,6A	Cái	3
28	Rơ le nhiệt máy thổi khí A1	Xuất xứ: Hàn Quốc; 4–6A	Cái	1
29	Rơ le nhiệt máy thổi khí A2, A3	Xuất xứ: Hàn Quốc; 12–18A	Cái	2
30	Bộ nguồn 24V	Xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1
31	PLC CPU	Xuất xứ: Nhật Bản	Cái	1
32	Cầu chì	Xuất xứ: Việt Nam	Cái	3

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

IX	VẬT TƯ HỆ THỐNG			
1	Đường ống bơm và dẫn nước thải; phụ kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đường ống công nghệ: + Phần đường ống khí sử dụng inox SUS 304. + Phần đường ống ngập trong nước, đường ống dưới sàn, mặt đất và đường ống trong nhà sử dụng uPVC, gồm các loại ống D160, D90, DN75, DN60, D48, D34, D27 và D21; phụ kiện gồm tê, cắt, van nhựa PVC, rắc co, van một chiều, tê thu, ren ngoài, ren trong,... + Hệ thống đường ống inox sử dụng inox SUS 304, gồm ống DN80, DN40 và các phụ kiện tê, cắt, van cánh bướm, van inox. + Giá đỡ, cùm giữ ống và phụ kiện kết nối được bố trí phù hợp với hệ thống đường ống. + Đường ống cấp hóa chất, nước sạch sử dụng uPVC. + Hệ thống van gồm van nhựa PVC, van inox SUS 304, van cánh bướm và van một chiều. - Xuất xứ: + Ống và phụ kiện uPVC: Việt Nam. + Ống và phụ kiện inox SUS 304: Việt Nam. 	Hệ	1
2	Hệ thống dây điện điều khiển, cáp tín hiệu	Hệ thống dây điện điều khiển, cáp tín hiệu	Hệ	1

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

** Giảm thiểu bụi và khí thải từ tàu thuyền ra vào cảng:*

Để hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng không khí tại Cảng cá, các biện pháp được áp dụng bao gồm:

- Quy định các phương tiện tàu thuyền trong thời gian chờ xuất, nhập hàng không được nổ máy để giảm lượng khí thải phát sinh.

- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá yêu cầu chủ tàu thuyền chấp hành quy định về đăng kiểm, bảo đảm phương tiện đủ điều kiện hoạt động; thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa máy tàu và không sử dụng phương tiện, thiết bị không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, an toàn.

- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sắp xếp phân luồng tàu thuyền ra vào Cảng hợp lý tránh tập trung quá nhiều phương tiện, hạn chế phát sinh khí thải cục bộ.

- Các chủ phương tiện phải chấp hành đúng các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa đường thủy.

** Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển bằng đường bộ:*

- Các phương tiện hoạt động phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và có giấy phép sử dụng của cơ quan Đăng kiểm.

- Kiểm soát loại phương tiện và tốc độ các phương tiện lưu thông.

- Ưu tiên sử dụng máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, được bảo dưỡng định kỳ nhằm hạn chế phát sinh khí thải từ các thiết bị, phương tiện này.

- Các chủ phương tiện phải chấp hành đúng các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.

- Trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường. Cây xanh được bố trí dọc vỉa hè các tuyến đường và xung quanh khuôn viên của Cảng nhằm tạo bóng mát, cảnh quan môi trường cho Cảng.

- Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường, chăm sóc dải cây xanh.

- Kiểm soát loại phương tiện và tốc độ các phương tiện lưu thông.

** Biện pháp giảm mùi hôi từ hoạt động tại khu vực Cảng cá:*

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế dạng cống ngầm bảo đảm tiêu thoát hết nước thải về trạm xử lý nước thải. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước để tránh nước thải bị ứ đọng trong khu vực Cảng. Để hệ thống xử lý nước thải vận hành ổn định và bảo đảm hiệu quả xử lý, nhân viên vận hành hệ thống phải được đào tạo, hướng dẫn về chuyên môn và kỹ thuật vận hành.

- Giảm thiểu mùi hôi thối phát sinh do quá trình phân hủy của các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động vật các phế thải bằng cách thường xuyên vệ sinh khu vực Cảng cá hàng ngày.

- Không vứt, đổ các loại chất thải (vảy cá, ruột cá, vỏ tôm,...) xuống ruộng, rãnh thoát nước, xuống sông gây ô nhiễm nguồn nước, phát sinh mùi hôi.

- Tổ chức vệ sinh hàng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực, thu gom, quét dọn mặt bằng sân bãi, đường trong Cảng cá.

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại khu vực Cảng cá.

- Hệ thống xử lý được đầy kín bằng tấm đan để hạn chế phát sinh mùi hôi.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên của Cảng cá, dọc các tuyến đường nhằm tạo cảnh quan môi trường vừa hạn chế được tác động do bụi, khí thải.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Phân loại, khối lượng và thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn thông thường tại Cảng cá Sông Gianh phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Cảng, người lao động tại các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng và thủy thủ lưu trú từ các tàu thuyền cập Cảng. Ngoài ra, còn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn công nghiệp thông thường. Thành phần chất thải rắn thông thường gồm:

Trong thời gian hoạt động cao điểm, Dự án có 400 CBCNV, người lao động và thủy thủ lưu trú làm việc. Trong đó, khoảng 20 người có nhu cầu lưu trú tại Dự án; số còn lại làm việc theo ca hoặc theo thời gian thực hiện công việc và rời khỏi Dự án sau khi hoàn thành công việc, không lưu trú qua đêm. Lượng rác thải sinh hoạt tính trung bình từ khoảng 0,5 kg/người/ngày (Báo cáo Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030) thì tổng lượng rác thải phát sinh khoảng 200 kg/ngày, tương đương 73.000 kg/năm.

Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn tại Cảng được thực hiện như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn theo quy định tại khoản 5, Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Chất thải rắn khó phân hủy: Chủ yếu gồm bao bì carton, bao tải, chai lọ, can nhựa, vật dụng hư hỏng và các loại chất thải thông thường khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại Cảng. Chất thải có khả năng tái chế được thu gom riêng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; lượng chất thải này tối đa khoảng 45 kg/ngày.

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá bố trí 1 thùng nhựa HDPE (có nắp đậy) 120 lít đặt bên cạnh khu vực đỗ xe của nhà văn phòng điều hành.

- Chất thải rắn dễ phân hủy: Với thành chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác. Lượng rác thải này trung bình khoảng 150 kg/tháng. Cảng bố trí các thùng chứa có nắp đậy tại khu vực văn phòng, khu vực bến cập tàu, khu vực kinh doanh, đường nội bộ và các vị trí phát sinh để thu gom, phân loại. Đồng thời, bố trí 03 thùng rác loại 120 lít tại khu vực bến cập tàu và khu vực văn phòng điều hành, 05 thùng rác loại 120 lít tại khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung và 10 thùng rác loại 120 lít dọc tuyến đường nội bộ, khu vực bãi đỗ xe. Hằng ngày, CBVNV tại Cảng thực hiện thu gom chất thải từ các vị trí phát sinh, đưa về khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung của Cảng để lưu giữ trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải phát sinh trên tàu thuyền, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá yêu cầu các chủ tàu thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa trên tàu, nghiêm cấm xả rác xuống sông Gianh. Chất thải được đưa lên bờ để thu gom, xử lý theo quy định; việc bố trí thùng chứa rác trên phương tiện thực hiện theo QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện đường thủy nội địa.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng khoảng 200kg/ngày được các tổ chức, cá nhân này tự thu gom, phân loại và lưu giữ theo quy định; đồng thời ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 5 kg/ngày được quản lý, phân loại theo quy định hiện hành.

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải có thể chứa các thành phần nguy hại. Vì vậy, cần phải phân tích để xác định thành phần nguy hại đánh giá theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, nếu phát hiện thành phần nguy hại thì sẽ hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Trường hợp kết quả phân tích không phát hiện thành phần nguy hại, bùn thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; Ban Quản lý Cảng

cá và Đăng kiểm tàu cá thực hiện hợp đồng với HTX dịch vụ tổng hợp Bắc Trạch để thu gom, vận chuyển và xử lý.

b. Khu vực lưu giữ chất thải

+ Vị trí: Cảng bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung phía Bắc tiếp giáp khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản 2.

+ Khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung có diện tích: 48 m², kích thước dài x rộng x cao = 6m x 8m x 5m.

+ Kết cấu, quy cách:

- Mái lợp tôn sóng màu xanh dày 0,45 ly; xà gồ thép hộp;
- Tường đầu hồi xây gạch 6 lỗ VXM mác 75 dày 150, lán tạo dốc;
- Tường toàn bộ sơn 1 lớp lót, 2 lớp phủ màu ghi nhạt;
- Cửa khung thép hộp mặt ngoài ốp tôn phẳng màu xanh;
- Kết cấu cửa bảo đảm kín;
- Trụ BTCT, chống thép D110 sơn màu đen;
- Đèn chiếu sáng: Đèn vuông gắn trần 300x300 24 W – 220 V;
- Nền và sàn: Nền lán VXM M75, mặt nền bảo đảm phẳng. Cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng bê tông xi măng, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hoá học với chất thải.

- Bên trong khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung có bố trí 2 hố thu nước thải, kết cấu BTCT, kích thước dài x rộng x cao = 1,22m x 1,22m x 1,08m, từ đây nước thải theo đường ống PVC D 110 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Công tác quản lý: Tại tất cả các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng trong Cảng phải được thu gom 100% và được phân loại riêng thành chất thải không nguy hại (CTR sinh hoạt và CTR thông thường) và chất thải nguy hại.

c. Thu gom, vận chuyển và xử lý

- Chất thải rắn sản xuất khó phân hủy: Thu gom riêng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn dễ phân hủy: Thu gom hằng ngày tại các vị trí phát sinh, tập kết tại khu vực lưu giữ chất thải rắn tập trung của Cảng và hợp đồng với HTX dịch vụ tổng hợp Bắc Trạch để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải phát sinh từ tàu thuyền: Yêu cầu chủ tàu thu gom, lưu giữ trên tàu và đưa lên bờ theo quy định; đồng thời ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu

gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường không được xả xuống sông Gianh.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng: Yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tự thu gom, phân loại chất thải phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Định kỳ thu gom, lưu giữ và phân tích để xác định thành phần nguy hại. Trường hợp bùn thải có thành phần nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026. Trường hợp không có thành phần nguy hại, hợp đồng với HTX dịch vụ tổng hợp Bắc Trạch để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Phân loại và khối lượng

Chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Cảng cá Sông Gianh chủ yếu từ hoạt động quản lý, vận hành Cảng, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện và hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng trong khu vực Cảng. Thành phần chủ yếu gồm dầu nhớt thải, bóng đèn hỏng, pin, ắc quy, giẻ lau và vật liệu thấm dầu... chi tiết các loại CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh như sau:

Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát của Cảng cá Sông Gianh

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại			90
1	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	NH (Lỏng)	12 06 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH (Rắn)	16 01 06	10
3	Pin, ắc quy thải	NH (Rắn)	16 01 12	20
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	NH (Lỏng)	17 02 04	50

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			17
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	KS (Rắn)	08 02 04	2
2	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	KS (Rắn)	14 01 05	5
3	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	KS (Rắn)	14 01 06	5
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS (Rắn)	18 02 01	5
	Tổng cộng			107

b. Thiết bị lưu giữ và bố trí:

Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá bố trí các thùng nhựa HDPE loại 200 lít có nắp đậy kín và thùng phuy loại 200 lít có nắp đậy kín để lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

c. Nhà lưu giữ chất thải nguy hại:

Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí tại góc phía Bắc của khu vực hệ thống xử lý nước thải, diện tích 5 m².

Cảng bố trí khu vực lưu giữ CTNH riêng, có mái che, tường bao, nền bê tông chống thấm, biển cảnh báo và thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố phù hợp. Khu vực lưu giữ bảo đảm không để nước mưa chảy tràn vào và không phát tán chất thải ra môi trường.

d. Thu gom, vận chuyển và xử lý:

- Đối với chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh từ hoạt động quản lý, vận hành Cảng sẽ được phân loại, thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt và chứa vào khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

Công tác thu gom: Việc thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại từ hoạt động quản lý, vận hành phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026. Hiện nay, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá dự kiến ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để định

kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Cảng cá theo quy định.

- Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng và tàu thuyền trong khu vực Cảng: Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá yêu cầu các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng tại Cảng và chủ tàu thuyền có phát sinh chất thải nguy hại tự thu gom, lưu giữ, quản lý và chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

+ CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát được phân loại tại nguồn, lưu giữ riêng, không trộn lẫn với chất thải khác.

+ Không để rò rỉ, phân tán, thất thoát chất thải nguy hại vào môi trường.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Ban Quản lý Cảng cá sắp xếp phân luồng tàu thuyền cũng như ô tô vận chuyển ra vào cảng hợp lý, tránh gây ồn cục bộ. Tàu thuyền neo đậu cũng như phương tiện vận chuyển trong Cảng không kéo còi hoặc rú ga.

- Khi tàu thuyền, xe ô tô ra vào Cảng cá để bốc dỡ hàng hóa, phải tắt máy khi không hoạt động và hạn chế sử dụng còi nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến cán bộ, công nhân viên tại Cảng và khu dân cư lân cận.

- Các phương tiện hoạt động phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và có giấy phép sử dụng của cơ quan Đăng kiểm.

- Trồng cây xanh trong khu Cảng cá vừa tạo cảnh quan vừa có tác dụng giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, bụi và khí thải từ các hoạt động tại cầu cảng và khu neo đậu Cảng.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức

a. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu

Trong giai đoạn vận hành, Cảng cá Sông Gianh không thực hiện hoạt động lưu chứa, kinh doanh hoặc bơm/cấp dầu cho tàu cá. Tuy nhiên, trong quá trình tàu thuyền neo đậu, cập cảng, ra vào Cảng có thể phát sinh sự cố rò rỉ, tràn dầu, nhiên liệu từ tàu thuyền xuống vùng nước cảng do va chạm, hư hỏng hệ thống chứa nhiên liệu hoặc sự cố trong quá trình vận hành phương tiện. Để phòng ngừa và hạn chế

tác động do sự cố tràn dầu, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá thực hiện các biện pháp sau:

**** Biện pháp phòng ngừa:***

- Tổ chức quản lý, điều tiết tàu thuyền ra vào, cập và neo đậu tại cảng theo đúng khu vực được bố trí; hạn chế tình trạng tàu thuyền va chạm trong quá trình di chuyển, cập bến và neo đậu.

- Yêu cầu các chủ tàu, thuyền trưởng thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của phương tiện, đặc biệt là hệ thống chứa nhiên liệu, đường ống, van, kết dầu và các vị trí có nguy cơ rò rỉ nhiên liệu; kịp thời sửa chữa, khắc phục khi phát hiện bất thường.

- Khi tàu thuyền neo đậu tại Cảng, thực hiện neo buộc chắc chắn, phù hợp với điều kiện thời tiết, thủy văn; tăng cường kiểm tra, gia cố hệ thống neo buộc khi có mưa bão, áp thấp nhiệt đới hoặc thời tiết bất lợi.

- Thường xuyên kiểm tra khu vực mặt nước cảng, cầu tàu, bến cập tàu và khu vực tàu thuyền neo đậu nhằm kịp thời phát hiện dầu, nhiên liệu rò rỉ hoặc văng dầu trên mặt nước.

- Không để dầu, nhiên liệu và các chất thải nhiễm dầu từ tàu thuyền xả trực tiếp xuống vùng nước Cảng; tuyên truyền, nhắc nhở các chủ tàu, thuyền viên thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động tại Cảng.

- Trang bị và bố trí tại khu vực Cảng cá vật tư, phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu phù hợp với quy mô hoạt động như phao quây dầu, vật liệu/tấm thấm hút dầu, thùng chứa, dụng cụ thu gom dầu và phương tiện bảo hộ cá nhân.

- Kiểm tra định kỳ tình trạng của các thiết bị, vật tư ứng phó sự cố, bảo đảm luôn ở trạng thái sẵn sàng sử dụng khi xảy ra sự cố.

**** Biện pháp ứng phó sự cố***

Khi phát hiện sự cố rò rỉ, tràn dầu từ tàu thuyền hoặc các phương tiện hoạt động trong khu vực Cảng, thực hiện theo nguyên tắc phát hiện sớm – xác định nguồn gây tràn – khoanh vùng – thu gom – xử lý, cụ thể:

- Thông báo ngay cho Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá và chủ tàu, thuyền trưởng có liên quan; đồng thời yêu cầu dừng các hoạt động có khả năng làm phát sinh hoặc gia tăng lượng dầu tràn.

- Xác định vị trí, nguồn phát sinh, loại dầu, phạm vi dầu loang và điều kiện dòng chảy, thủy triều để lựa chọn biện pháp ứng phó phù hợp.

- Trường hợp dầu tràn xuống vùng nước Cảng, triển khai phao quây dầu để khoanh vùng, hạn chế dầu lan rộng theo dòng chảy và thủy triều.

- Sử dụng tấm/vật liệu thấm hút dầu hoặc các thiết bị thu gom phù hợp để thu gom dầu trên mặt nước; dầu và nước nhiễm dầu sau thu gom được chứa trong thùng hoặc thiết bị chứa phù hợp.

- Trường hợp dầu tràn trên nền bãi, cầu tàu hoặc khu vực đất liền, sử dụng vật liệu thấm hút để khống chế, không để dầu chảy vào hệ thống thoát nước hoặc vùng nước Cảng; sau đó thu gom toàn bộ vật liệu, đất, cát bị nhiễm dầu.

- Dầu thải, vật liệu thấm hút và các chất thải nhiễm dầu phát sinh trong quá trình ứng phó được thu gom, lưu giữ riêng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; không xả trực tiếp ra môi trường.

- Trường hợp sự cố có quy mô lớn hoặc vượt quá khả năng ứng phó của lực lượng, phương tiện tại chỗ, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền, Sở Nông nghiệp và Môi trường và phối hợp huy động lực lượng, phương tiện chuyên môn để tổ chức ứng phó, hạn chế dầu lan rộng và giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Sau khi kết thúc ứng phó, kiểm tra, vệ sinh khu vực xảy ra sự cố, thu gom toàn bộ chất thải phát sinh, xác định nguyên nhân và thực hiện các biện pháp khắc phục; đồng thời báo cáo cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định.

**** Tổ chức thực hiện:***

- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá phân công cán bộ, nhân viên chịu trách nhiệm theo dõi, phát hiện và xử lý ban đầu các sự cố môi trường xảy ra trong khu vực Cảng.

- Xây dựng và duy trì phương án ứng phó sự cố tràn dầu phù hợp với điều kiện thực tế của Cảng cá; tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, nhân viên các thao tác cần thiết khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ kiểm tra, bổ sung vật tư, thiết bị ứng phó sự cố; tổ chức thực hành, diễn tập phương án ứng phó theo quy định và điều kiện thực tế của Cảng cá.

- Việc phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu được thực hiện theo Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 23/1/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

b. Sự cố va chạm tàu thuyền

Để hạn chế và giảm thiểu sự cố va chạm tàu thuyền, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá thực hiện các biện pháp như sau:

- Yêu cầu các tàu cá thường xuyên kiểm tra, gia cố dây neo, xích, cáp và các thiết bị neo buộc, bảo đảm tàu thuyền được neo đậu an toàn, không gây ảnh hưởng đến các phương tiện khác.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy trì tình trạng hoạt động của các thiết bị đệm chống va tại khu vực bến, cầu tàu.

- Yêu cầu chủ tàu, thuyền trưởng kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị và phương tiện nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình hoạt động.

- Bố trí, điều tiết tàu thuyền ra vào, cập và neo đậu đúng khu vực, hạn chế nguy cơ va chạm.

- Khi xảy ra sự cố, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá phối hợp với chủ tàu và các lực lượng liên quan kịp thời ứng cứu, ưu tiên bảo đảm an toàn về người, đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý, khắc phục sự cố và hạn chế thiệt hại về người, tài sản và ô nhiễm môi trường.

c. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ phương tiện, các thiết bị PCCC, hệ thống cấp nước cho công tác PCCC mỗi khi có sự cố xảy ra.

- Bố trí các thiết bị chữa cháy theo quy định tại những nơi dễ thấy, dễ cháy gồm: bình chữa cháy CO₂, bể cát chữa cháy, hệ thống vòi phun nước...

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị PCCC.

- Lắp đặt các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy ở các vị trí đông người qua lại để tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực hiện phòng cháy chữa cháy cho mọi người.

- Duy trì công tác tuyên truyền phổ biến các loại kiến thức về Luật PCCC, Công văn chỉ đạo của các cấp, ngành liên quan về công tác an toàn PCCC và nhắc nhở nhân viên, ngư dân chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định về PCCC tại khu vực Cảng.

- Các tàu thuyền hoạt động ra vào và neo đậu tại khu vực cảng cần tuân thủ đúng quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động.

Khi xuất hiện cháy nổ cần bình tĩnh thực hiện các thao tác sau: Báo cáo cho phòng ban quản lý điều hành, tiếp theo báo cáo cho cảnh sát phòng cháy, cứu thương gần nhất. Tiến hành sơ cấp cứu, chữa cháy bằng các phương tiện tại chỗ như bình bột, nước, chăn mền nhúng nước để dập tắt các đám cháy kịp thời.

d. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý thoát nước thải

Để hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý nước thải cao và hạn chế sự cố của hệ thống, Ban Quản lý Cảng cá sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng hệ thống bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật và bảo đảm công suất xử lý đã được phê duyệt.

- Tuyển dụng đội ngũ kỹ sư, nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải đáp ứng được trình độ chuyên môn. Đặc biệt thường xuyên giám sát tình hình để kịp thời điều chỉnh chế độ vận hành nếu gặp sự cố trực trặc.

- Tiến hành bảo dưỡng kỹ thuật định kỳ cho các máy móc thiết bị, bảo dưỡng các bể xử lý như tiến hành quét hồ chống thấm, quét sơn để chống rỉ các đường ống, lan can, tra dầu mỡ các van... bảo đảm cho hệ thống được sạch sẽ, ngăn nắp.

- Bảo đảm kinh phí cho vận hành hệ thống xử lý nước thải liên tục và ổn định. Hệ thống xử lý nước thải được bố trí nguồn phát điện dự phòng. Thiết kế, xây dựng, vận hành với đầy đủ các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục sự cố. Quản lý, giám sát chặt chẽ, phát hiện, ứng phó tại chỗ và thông báo kịp thời cho các đơn vị chức năng (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cảnh sát môi trường...) để phối hợp giải quyết.

- Cán bộ vận hành hệ thống xử lý có trách nhiệm kiểm tra, giám sát lượng nước thải vào và ra, khi có sự cố khoá đường ống xả thải không cho nước thải ra môi trường. Trong trường hợp nước thải xử lý chưa bảo đảm, toàn bộ nước thải được bơm đưa về bể sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành lấy mẫu kiểm tra, đối chứng bảo đảm nước thải của Dự án sau xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$), cho đến hết ngày 31/12/2031; Kể từ ngày 01/01/2032, nước thải của Dự án sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Cột B, $F \leq 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Các biện pháp ứng phó khi có sự cố xảy ra:

+ Ngừng ngay tất cả các hoạt động như đổ, bơm hút nước thải. Đóng tất cả các van, các khóa, các nút chốt của các thiết bị liên quan đến sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Cô lập nguồn nước, xử lý nước ô nhiễm trước khi xả ra môi trường, xử lý mùi hôi và bọt tại bể keo tụ tạo bông, tuyển nổi; bể khử nitrat; bể hiếu khí, tăng cường vớt mỡ tại bể tách dầu mỡ, lấy mẫu phân tích chất lượng nước.

+ Lập báo cáo kết quả xử lý, giải quyết hậu quả do sự cố gây ra nhằm đưa hệ thống xử lý hoạt động trở lại bình thường, tổ chức họp rút kinh nghiệm việc giải quyết sự cố.

e. Giảm thiểu tác động do sự cố thiên tai

Để phòng chống các thiệt hại do thiên tai, mưa bão gây ra Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá thường xuyên cập nhật tình hình dự báo thời tiết để thông báo cho người dân về tình hình mưa bão, hướng dẫn nơi neo đậu, tránh trú bão an toàn.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

- Trước mùa mưa bão, kiểm tra, gia cố các bích neo tàu, đệm cập tàu và các hạng mục công trình tại khu vực Cảng kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng để bảo đảm an toàn cho tàu thuyền neo đậu.

- Xây dựng và tổ chức triển khai phương án phòng, chống bão. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương nhằm tăng cường cho công tác phòng, chống bão.

- Duy trì hệ thống thông tin liên lạc, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và vật tư cần thiết để chủ động ứng phó, xử lý sự cố trước, trong và sau mưa bão.

- Khi có bão, lũ, tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thực hiện các biện pháp bảo vệ tàu thuyền, công trình và hạn chế phát sinh các sự cố thứ cấp như cháy, nổ, tràn dầu.

- Thường xuyên duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Cảng nhằm bảo đảm an toàn trong điều kiện thời tiết bất lợi; duy trì hệ thống chống sét tại các vị trí có nguy cơ bị sét đánh.

- Khi có sự cố mưa bão xảy ra, Ban lãnh đạo cần sơ tán công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị và nhân lực tại chỗ để khống chế các sự cố có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ. Thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cứu hộ tỉnh Quảng Trị, các ban ngành liên quan để kịp thời ứng cứu, xử lý sự cố xảy ra.

- Sau khi thiên tai xảy ra, tổ chức kiểm tra, đánh giá thiệt hại, vệ sinh môi trường, khắc phục các hư hỏng và phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Một số hạng mục, nội dung của Dự án thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt theo quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 cụ thể như sau:

Bảng 3.4. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án

TT	Nội dung	Phương án đề xuất theo Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	Phương án điều chỉnh thay đổi	Lý do điều chỉnh
1	Diện tích	5,27 ha	49.327,6 m ² ≈ 4,93 ha	Rà soát theo hồ sơ giao đất và hiện trạng sử dụng đất thực tế; phần diện tích của Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Sao và Công ty Cổ phần Thủy sản

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

				Sông Gianh không còn thuộc phạm vi Dự án.
2	Lưu lượng nước thải	<p>- Nước thải sinh hoạt: 32m³/ngày.đêm</p> <p>- Nước thải sản xuất:</p> <p>+ Nước thải từ phân loại, sơ chế thủy sản: 170,0 m³/ngày.đêm (năm 2020) và 218,0 m³/ngày.đêm (năm 2030);</p> <p>+ Nước thải rửa sàn, rửa sân: 2,3 m³/ngày.đêm (năm 2020) và 3,0 m³/ngày.đêm (năm 2030);</p> <p>+ Nước thải rửa sàn kho đông lạnh: 3,7 m³/ngày.đêm (năm 2020) và 4,8 m³/ngày.đêm (năm 2030).</p> <p>Tổng khối lượng nước thải năm 2020 là 208 m³/ngày.đêm, năm 2030 là 257,8 m³/ngày.đêm</p>	<p>Tổng khối lượng nước thải là 208 m³/ngày.đêm. Trong đó:</p> <p>- Nước thải sinh hoạt: 40 m³/ngày.đêm</p> <p>- Nước thải sản xuất: 168 m³/ngày.đêm (Nước thải từ phân loại, sơ chế thủy sản: 159 m³/ngày.đêm; Nước thải kho đông lạnh: 9 m³/ngày.đêm)</p>	Cập nhật theo kết quả điều tra, khảo sát hiện trạng và quy mô hoạt động tối đa của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng tại Cảng.
3	Quy mô dự án	Năng lực bốc dỡ hàng hóa 17.000 tấn/năm.	Năng lực bốc dỡ hàng hóa 22.000 tấn /năm.	Theo quy định về phân loại cảng cá, cảng cá loại II có sản lượng thủy sản qua cảng từ 15.000 tấn/năm đến dưới 25.000 tấn/năm. Do đó, việc điều chỉnh quy mô sản lượng thủy sản qua Cảng cá Sông Gianh lên 22.000 tấn/năm vẫn thuộc phạm vi quy mô của cảng cá loại II và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 về việc công bố mở Cảng cá Sông Gianh.
4	Bể xử	06 bể xử cở (04 bể xử	Tận dụng bể xử lý	Điều chỉnh phù hợp với mặt

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

	cổ	cổ có thể tích 60 m ³ , 02 bề sự cổ có thể tích 5 m ³) độc lập.	nước thải cũ làm bề sự cổ kết cấu bằng bề tông cốt thép có nắp đáy kích thước D x R x C = 7m x 4m x 4m = 112m ³ .	bảng hiện trạng của Cảng cá.
--	----	--	--	------------------------------

*** Giải trình việc thay đổi, bổ sung một số nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt:**

- Trong quá trình triển khai Dự án nâng cấp, mở rộng, phạm vi và diện tích sử dụng đất được rà soát, xác định theo hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng thực tế. Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, diện tích thực hiện Dự án khoảng 5,27 ha; trong khi theo Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao đất cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiêu dự án tỉnh Quảng Bình” tại xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, tổng diện tích đất được giao để thực hiện Dự án là 49.327,6 m² (khoảng 4,93 ha).

So với phạm vi xác định trong báo cáo ĐTM, phần diện tích đất đang sử dụng cho hoạt động chế biến thủy sản của Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Sao và Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh không còn thuộc phạm vi thực hiện Dự án. Đồng thời, diện tích khu vực bến cảng được xác định lại theo hồ sơ giao đất, trong đó diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối thuộc phạm vi Dự án là 15.656,6 m². Việc xác định lại phạm vi và diện tích sử dụng đất nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa phạm vi thực hiện Dự án với hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất thực tế.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, tổng lượng nước thải phát sinh được xác định là 208 m³/ngày.đêm vào năm 2020 và 257,8 m³/ngày.đêm vào năm 2030, gồm nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động phân loại, sơ chế thủy sản, rửa sàn, rửa sân và kho đông lạnh.

Qua điều tra, khảo sát hiện trạng hoạt động tại Cảng cá Sông Gianh và rà soát nhu cầu sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng, cơ cấu nguồn phát sinh nước thải có sự thay đổi so với báo cáo ĐTM. Cụ thể, lưu lượng nước thải được xác định trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước thực tế và quy mô hoạt động tối đa, gồm 40 m³/ngày.đêm nước thải sinh hoạt và 168 m³/ngày.đêm nước thải sản xuất, tổng cộng 208 m³/ngày.đêm, lưu lượng thải ổn định thì hệ số không điều hòa K_{ngày} = 1,2. Như vậy lưu lượng nước thải tối đa trong 1 ngày Q_{max} = 208 m³/ngày.đêm x 1,2 = 249,6 m³/ngày.đêm, làm tròn 250 m³/ngày.đêm. Việc điều chỉnh nhằm cập nhật các nguồn phát sinh và lưu lượng nước thải theo điều kiện hoạt động thực tế của Cảng,

bảo đảm phù hợp với quy mô khai thác và phương án quản lý, xử lý nước thải.

- Việc điều chỉnh từ 17.000 tấn/năm lên 22.000 tấn/năm chủ yếu là tăng lượng hàng hóa bốc dỡ qua cảng, không làm thay đổi các hạng mục công trình xử lý chất thải và không làm phát sinh thêm đáng kể các nguồn thải. Quy mô 22.000 tấn/năm vẫn nằm trong phạm vi quy mô của cảng cá loại II (từ 15.000 tấn/năm đến dưới 25.000 tấn/năm căn cứ theo Điểm d, Khoản 2, Điều 27 của Thông tư 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá).

Đối với nước thải, theo Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc công bố mở Cảng cá Sông Gianh, Cảng có năng lực bốc dỡ hàng hóa 22.000 tấn/năm. Năng lực này thể hiện khối lượng hàng hóa, chủ yếu là thủy sản, được tiếp nhận và bốc dỡ qua Cảng trong quá trình khai thác. Hoạt động bốc dỡ chủ yếu thực hiện việc chuyển thủy sản từ tàu cá lên bờ để cân, phân loại, sơ chế và vận chuyển; bản thân hoạt động bốc dỡ không làm phát sinh một nguồn nước thải riêng biệt.

Lượng nước thải phát sinh tại Cảng chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh khu vực tiếp nhận, phân loại, sơ chế thủy sản và vệ sinh thiết bị, phương tiện có sử dụng nước. Do đó, việc tăng năng lực bốc dỡ hàng hóa lên 22.000 tấn/năm không làm phát sinh thêm nguồn nước thải mới mà chủ yếu làm tăng khối lượng thủy sản được tiếp nhận, bốc dỡ và xử lý qua các công đoạn khai thác tại Cảng. Lưu lượng nước thải phát sinh đã được tính toán theo các hoạt động sử dụng nước tương ứng và vẫn nằm trong khả năng thu gom, xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 250 m³/ngày.đêm.

Như vậy, việc tăng năng lực bốc dỡ hàng hóa của Cảng lên 22.000 tấn/năm không làm thay đổi nguồn phát sinh nước thải và không làm phát sinh nhu cầu đầu tư bổ sung công trình xử lý nước thải. Công trình thu gom và hệ thống xử lý nước thải hiện có vẫn đáp ứng yêu cầu thu gom, xử lý lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cảng.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, Dự án dự kiến bố trí 06 bể sục có độc lập với tổng dung tích 250 m³. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, phạm vi và mặt bằng bố trí các công trình được rà soát theo hồ sơ đất đai và hiện trạng thực tế, phương án bố trí 06 bể sục có không còn phù hợp với mặt bằng thực tế của Dự án. Thay vào đó tận dụng bể xử lý nước thải cũ kết cấu bê tông cốt thép, có nắp đậy, kích thước D × R × C = 7 m × 4 m × 4 m bảo đảm khả năng lưu chứa tạm thời nước thải

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố. Đồng thời, bể nằm liền kề hệ thống xử lý nước thải mới nên thuận lợi cho việc bố trí đường ống, van chuyển hướng và vận hành khi có sự cố, hạn chế việc đầu tư xây dựng thêm công trình mới, phù hợp với mặt bằng hiện trạng của Dự án. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải trong bể được bơm trở lại hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Quá trình hoạt động của Dự án sẽ phát sinh các nguồn nước thải bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại nhà văn phòng điều hành của cán bộ, nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh của nhà trực kết hợp phòng nghỉ của cán bộ, nhân viên.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh công cộng phục vụ cho người lao động và thủy thủ lưu trú tại Dự án.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá tại Dự án.
- Nguồn số 05: Nước thải từ khu tiếp nhận, phân loại và sơ chế thủy sản.
- Nguồn số 06: Nước thải từ kho đông lạnh.

1.2. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải (tương ứng với nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06) Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và nước thải sản xuất được thu gom tại mỗi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá bằng đường ống HDPE D100 và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cảng đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 250 m³/ngày đêm để xử lý. Sau xử lý, nước thải theo đường ống PVC D160 vào thiết bị đo lưu lượng, tiếp tục theo đường ống PVC D90, dài khoảng 3,5 m vào hố ga có thể tích 1,8 m³ thuộc hệ thống thoát nước chung của Dự án. Sau đó, theo ống BTCT D300 dài khoảng 50 m để xả tự chảy vào nguồn tiếp nhận là nước mặt Sông Gianh.

1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 250 m³/ngày.đêm tương đương 10,42 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

1.4. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải:
 - + Vị trí: Sông Gianh, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 1957.949; Y(m) = 550.900.
(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiếu 3^o)
- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục trong ngày (24 giờ).
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước mặt Sông Gianh, xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.

1.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Các chất ô nhiễm trong nước thải: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), tổng nitơ (tính theo N), tổng photpho (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, Clo dư, tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

+ Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 11-MT:2015/BTNMT– Cột B (giá trị C_{max} ; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$)	QCVN 40:2011/BTNMT– Cột B (giá trị C_{max} ; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$)
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 – 9
2	BOD ₅ , 20°C	mg/l	49,5	49,5
3	COD	mg/l	148,5	148,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	99	99
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	19,8	9,9
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	59,4	39,6
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	19,8	5,94
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	19,8	-
9	Clo dư	mg/l	1,98	1,98
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU /100ml	5.000	5.000

* Đối với QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản: $C_{max} = C \times K_q \times K_f$

Trong đó:

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

- C_{max} : Giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến thủy sản khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải;

- C : Giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến thủy sản;

- K_q : Hệ số nguồn tiếp nhận nước thải, $K_q = 0,9$ – nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy;

- K_f : Hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng nước thải của Cảng cá Sông Gianh khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải $K_f = 1,1$ – lưu lượng nguồn thải $50m^3 < F \leq 500m^3$;

- Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến thủy sản khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

* Đối với QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp: $C_{max} = C \times K_q \times K_f$

Trong đó:

- C_{max} : Giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải;

- C : Giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp;

- K_q : Hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. $K_q = 0,9$ – nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy;

- K_f : Hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng nước thải của Cảng cá Sông Gianh khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải $K_f = 1,1$ – lưu lượng nguồn thải $50m^3 < F \leq 500m^3$;

- Cột B: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Từ ngày 01/01/2032: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Bảng 1, Bảng 2, $F \leq 2.000 m^3/\text{ngày.đêm}$), cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải từ ngày 01/01/2032

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT Cột B (Bảng 1, Bảng 2, $F \leq 2.000 m^3/\text{ngày.đêm}$)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/L	≤ 60
3	COD	mg/L	≤ 90
4	TSS	mg/L	≤ 80

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

5	Amoni (N-NH ₄), tính theo N	mg/L	≤ 10
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40
7	Tổng phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 6
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 30
9	Clo dư	mg/L	≤ 2
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000

Trong đó:

- QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Bảng 1. Giá trị giới hạn cho phép của COD (hoặc TOC), BOD, TSS.

- Bảng 2. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm đặc trưng theo loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Cột B: Quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn nước tiếp nhận có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức B Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Dự án chỉ phát sinh khí thải từ phương tiện đi lại và máy móc thiết bị. Các nguồn thải này phát sinh phân tán và được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Dự án không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của các máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

* Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2026: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

STT	Thông số môi trường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Tiếng ồn	70 (dBA)	55 (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường	-
2	Độ rung	70 (dB)	60 (dB)	QCVN 27:2010/BTNMT Khu vực thông thường	-

* Từ ngày 01/01/2027 áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của dự án: Cảng cá Sông Gianh

quốc gia về tiếng ồn (Bảng 3, Khu vực B và Khu vực E) và QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Bảng 3, Khu vực B và Khu vực D). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Thông số	Đơn vị	Ban ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22 giờ)	Ban đêm (22h00 đến trước 06h00)	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Tiếng ồn	dBA	55	50	45	QCVN 26:2025/BNNT Bảng 3, Khu vực B	-
2	Tiếng ồn	dBA	65	60	55	QCVN 26:2025/BNNT Bảng 3, Khu vực E	-

Trong đó:

- QCVN 26:2025/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Bảng 3, Khu vực B và Khu vực E).

- Bảng 1. Giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh từ các nguồn khác;

- Khu vực B bao gồm các công trình sau đây:

+ Nhà ở: nhà chung cư và các loại nhà ở tập thể khác; nhà ở riêng lẻ;

+ Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác;

- Khu vực E bao gồm các công trình sau đây:

+ Nhà ga (hàng không, đường thủy, đường sắt), bến xe ô tô, bãi đỗ xe;

+ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Các công trình quốc phòng, an ninh mà không sử dụng theo các mục đích tương đương với các công trình tại các khu vực A, B, C, D;

+ Các công trình khác.

- Độ rung:

TT	Thông số	Đơn vị	Ban ngày (6 giờ - trước 21 giờ)	Ban đêm (22 giờ - trước 6 giờ)	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Độ rung	dB	70	65	QCVN 27:2025/BNNT Bảng 3, Khu vực B, D	-

Trong đó:

- QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Bảng 3, Khu vực B và Khu vực D).

- Bảng 3. Giá trị tối đa cho phép đối với mức rung phát ra từ các nguồn khác;

- Khu vực B bao gồm các công trình sau đây:

+ Nhà ở: nhà chung cư và các loại nhà ở tập thể khác; nhà ở riêng lẻ;

+ Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác;

- Khu vực D bao gồm các công trình sau đây:

+ Nhà ga (hàng không, đường thủy, đường sắt), bến xe ô tô, bãi đỗ xe;

+ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Các công trình quốc phòng, an ninh mà không sử dụng theo các mục đích tương đương với các công trình tại các khu vực A, B, C;

+ Các công trình khác.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Sau khi được cấp Giấy phép môi trường Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải.

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Theo Khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Từ tháng 11/2026 đến tháng 4/2027.

- Hiệu quả dự kiến đạt được:

+ Chất lượng nước thải đạt Quy chuẩn QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (Cột B, C_{max} ; $K_q=0,9$; $K_f=1,1$) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

+ Công suất dự kiến đạt được của hệ thống trong giai đoạn vận hành thử nghiệm khoảng 50 - 100% công suất thiết kế.

+ Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Dự án có công trình xử lý nước thải sản xuất thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026. Đồng thời, theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, sửa đổi tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 quy định quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí đầu vào và 03 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý

nước thải.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni (tính theo N), tổng nitơ (tính theo N), tổng photpho (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, Clo dư, tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, C_{max} , $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

- Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Nông nghiệp và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Theo quy định tại Điều 106 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Điều 97, Điều 98 Phụ lục số XXVIII và phụ lục số XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, khí thải thì Cảng cá Sông Gianh không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải và khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Đối với nước thải: Theo quy định của pháp luật tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải 250 m³/ngày.đêm (24 giờ) thì không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

- Đối với khí thải: Theo quy định của pháp luật tại Điều 98 và Phụ lục số XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, Dự án không thuộc loại hình sản xuất,

kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh khí thải thì không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Kinh phí thực hiện từ nguồn thu của Cảng cá Sông Gianh.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Nhằm bảo đảm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết các số liệu, thông tin, các vấn đề môi trường được cung cấp trong Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án chính xác và hoàn toàn trung thực.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá sẽ chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong các trường hợp xảy ra sự cố do hoạt động của Dự án gây ra.

- Thực hiện tốt các biện pháp ứng phó sự cố chất thải khi có sự cố xảy ra, như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, không để chất thải chưa xử lý phát tán ra môi trường.

- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường khác theo quy định.

- Ban hành nội quy, cơ chế hoạt động về công tác quản lý chất thải đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá tại Dự án. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân khi đầu tư vào khu vực Cảng cá phải chấp hành nghiêm túc công tác quản lý chất thải, đặc biệt đối với nước thải phải xây dựng hệ thống thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cảng để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

- Cam kết yêu cầu các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dịch vụ hậu cần nghề cá thuê mặt bằng trong Dự án ký biên bản cam kết về công tác quản lý chất thải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; lộ trình thực hiện xây dựng lắp đặt các máy móc, thiết bị và hệ thống thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cảng cá; cam kết hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trước khi Dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết hoàn thành việc đầu nối đối với các nguồn nước thải chưa đầu nối trước khi thực hiện xả nước thải ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng trong Dự án thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 08/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị”.

- Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 18/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị”.

- Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Văn kiện dự án: Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

- Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình, vay vốn ADB.

- Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao đất cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình tại xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Thông báo số 3243/TB-SGTVT ngày 14/10/2024 của Sở Giao thông vận tải về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng hạng mục công trình: Bến cập tàu, công trình nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình.

- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng Công trình Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình số 105/BC-BQLDA ngày 18/6/2025.

- Thông báo số 2713/TB-SXD ngày 27/6/2025 của Sở Xây dựng về việc kiểm

tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh thuộc Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (hạng mục: Phao báo hiệu, kè bảo vệ bờ, đường giao thông nội bộ, các công trình kiến trúc và phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật).

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình để đưa vào sử dụng ngày 22/7/2025 của Ban quản lý Dự án BIIG2 Quảng Trị.

- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Sông Gianh”.